NĂM THỨ TƯ — Số 156 Thứ năm 24 Août 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

* Gốc tích chuyện Tấm, Cám — *Hoa-Bằng*
* Tourane ở Saigon — *Lê-thọ-Xuân*
* Đại nam dật sự (XL) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Một bài hát giặm có quan hệ đến lịch sử cận đại... — *Lê-Thước*
* Quyển Văn minh thế giới — *Ứng-hòe*
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXIV) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Ba người thợ cần mẫn (V) — *Lê-Thanh*
* Những ông Nghè triều Lê (XCIII) — *Ứng-hòe*
* Đọc sách — *Tiên-Đàm*
* Trương-hán-Siêu (? — 1354) (hết) — *Nhật-Nham*
* Bốn năm trên đảo Các-Ba — *Vân-Đài*
* An-Tư, tiểu thuyết (IX) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

0$50

GỐC TÍCH CHUYỆN TẤM, CÁM

HOA-BẰNG

Từ bé, tôi đã được nghe chuyện *Tấm Cám*. Khi đi học, tôi lại được đọc chuyện ấy trong một cuốn sách của ông Đỗ Thận, tình như nhan là *Âu học luân-lý giáo khoa thư*.

Mới đây, có ông bạn muốn dựa theo cốt chuyện *Tấm Cám* mà viết thành một thiên văn vần, có hỏi tôi về chỗ xuất xứ chuyện ấy. Vậy xin kê-cứu ra đây để công đồng lãm.

Chuyện này có chép trong quyển sử chữ nhu nhan là *Tam tự quốc sử lược biên*

Trước hết hãy nói sơ về quyển sử ấy. Nó là một bản sách viết của nhà tôi, không thấy có tựa, không đề tên tác-giả (1) và niên-hiệu làm sách. Nhưng xem kỹ ở cuối, thấy gọi Tây-sơn là « tặc » (giặc) thì khác phải là người cuối Lê sót lại đến đầu triều Nguyễn, vì thế mới gọi Tây-sơn là một ngụy triều.

Sách bắt đầu chép từ đời Hồng-bàng đến đời Lê Chiêu-Thống (1787 - 1789).

Nội dung: mỗi câu ba chữ, đặt có vần, hoặc bằng, hoặc chắc. Có ý tiện giúp cho bực sơ-học biết yếu lược về môn sử nước nhà. Trong sách thường xen vào những chuyện thần thoại hoặc dật-sự để giúp hứng-thú cho trẻ con, chẳng hạn như chuyện *trầu cau*, chuyện *bánh chưng bánh dày* ở đời Hùng-vương (hoặc Lạc-vương), chuyện *Đinh Bộ Lĩnh cưỡi rồng qua sông* ở hồi 12 sứ quân cát cứ.

Chuyện *Tấm, Cám* mà tôi sẽ thuật dưới đây đã là một thiên giai-thoại ở đời Lý Thánh Tông (1054—1072).

Sách ấy chép:

«...Thánh-tông đế,
Thái tông tử,
Hủy Nhật-Tôn,
Mẫu Lê-thị,
Cải nguyên niên
Long-thụy thị.
Đế niên trưởng,
Vị hữu tự,
Nhân biến kỳ
Thiên hạ tự.
Chi Văn-giang,
Hữu nhất nữ,
Thịnh phục lập
Lan thảo lý:
Đế kiến chi:
Duyệt kỳ mỹ,
Tái hồi cung,
Thám hạnh bế,
Danh Ỷ-lan
Quý phi thị.

***

Phi danh Tấm,
Tính Lê-thị.
Tự thiếu niên,
Thất hồ thị,
Dữ kế mẫu
Đồng cư xử.
Kế muội Cám,
Tính ngoan lệ,
Mỗi dữ phi
Thái nà, ly.
Phi da dắc.
Cám bất thái,
Cám sinh tính,
Dãi phi, vị:
« Nhữ đầu thượng
« Da nê nhị,
« Dương thần (2) thủy
« Loát nê khứ. »
Phi tin chi,
Thân nhập thủy;
Kỳ sở đắc
Trạo tăng lý
Cám tận thủ
Nhập ư kỷ.
Phi thần thượng:
Vô nại hĩ!
Cám quy gia
Đãi mẫu, vị:
« Tấm xuất giang
« Duy du hĩ;
« Nhi dĩ khuyến,
« Diệc bất thái.
« Nhi da dắc
« Hà dữ ly;
« Tấm bất dắc
« Nhất dữ nhị! »
Mẫu tin chi,
Trục phi, thủy.
Phi tự khổ
Khốc bất dĩ.

***

Quan âm phật
Hốt hiện chi,
Vấn: « hà vi
Khốc thống (3) thị? »
Phi huy lệ,
Cáo sở dĩ.
Phật đãi quan
Phi trạo lý
Tồn bống ngư
Nhất tiểu vĩ;
Nhân giáo phi
Dĩ phạn tự,
Phi ý giáo,
Phóng tỉnh đề
Mỗi nhật tảo,
Xuất cấp thủy,
Hà ngư xuất

Đầu phạn dã.
Tích nhật tuần,
Ngự trưởng mỹ
Cảm văn chi,
Hám phi khứ.
Dụ ngự xuất,
Tương quy, chử.
Phi thích quy,
Kiến ngư tử.
Tọa nhi khốc..
Phật nãi chi,
Thu ngư cốt
Phân vi tứ,
Giáo phân tàng
Sàng cước đề.

***

Chi ư thị,
Xa-giá chi,
Thôn ấp nhân
Vô nam, nữ
Tranh trang sức
Giai chiêm thị.
Cảm giữ mẫn,
Diệc giai khứ.
Phi tại gia
Tự quý sỉ,
Phục thống khốc.
Phật nãi chi,
Giáo chi quật
Tàng ngư xứ.
Đắc trang phục,
Vô bất bị
Phi chỉnh sức,
Nãi xuất thị,
Vọng nghiễm nhược
Thiên tiên tử.
Vũ hốt lai,
Các tầu tị
Phi diệc tầu,
Di chích lý.
Cập Giá quá,
Thập đắc thử,
Thị cung sức,
Vô dữ tỉ.
Ý tiêu trung
Tộng thiên trung,
Chiếu quan giả
Các lai thị,
Hữu tự giả,
Phong phi vị.
Nhân tranh lai,
Vô nhất tự!
Cập phi lai
Thị chi tự,
Đề kiến chi,
Nãi đại hỉ...»

Nghĩa là:

Vua Thánh-tông nhà Lý, hiệu là Nhật-Tôn (4), con vua Thái-tông, mẹ là Lê-thị. Khi lên ngôi, năm đầu là Long-thụy (1054). Vua đã to tuổi, hãy còn chưa có con nối dòng, bèn đi cầu tự khắp các chùa triền trong thiên hạ. Đến Văn giang, có một người con gái, ăn mặc đẹp, đứng trong bụi lau, vua thấy người ấy đẹp thì bằng lòng, đem về cung, rất cưng-chiều, gọi là Ý-lan quý phi (5).

Nguyên nàng tên Tấm, họ Lê, từ bé, bố côi cha mẹ, ở với dì ghẻ.

Cám là em con dì ghẻ, tính nó láo lếu và tệ-ác. Cám thường cùng đi bắt tôm, bắt trai với nàng. Nàng bắt được nhiều; Cám không chịu bắt. Cám lập tâm lừa nàng, bèn bảo nàng rằng: « Chị Tấm ơi, chị Tấm! Đầu chị lấm, chị tụp cho lào, gội đầu cho sạch!... » Nàng tin lời Cám, lặn xuống nước. Cám bèn rốc sạch cả giỏ của nàng vào giỏ mình. Khi nàng lên khỏi nước, thấy tôm và trai của mình bắt sạch, không biết làm sao được nữa.

Cám về nhà, nói lừa mẹ rằng: « Tấm ra sông, chỉ chơi đùa; con dã khuyên bảo, cũng không chịu bắt! Con bắt được nhiều tôm và trai; còn Tấm thì không được lấy một, hai con! » Dì ghẻ tin lời, đánh Tấm đánh đập. Nàng lấy làm khổ quá, khóc mãi không thôi...

Đức Bồ-Tát Quán-âm thình-lình biến lên, hỏi Tấm: « Làm sao con khóc? » Nàng gạt nước mắt, kể lại nguồn cơn. Phật xem giỏ nàng, thấy còn một con cá bống, bèn bảo nàng lấy cơm nuôi bống.

Nàng vâng theo lời dạy, thả bống xuống nước. Mỗi sớm ngày, ra giếng gánh nước, gọi Bống lên, ném cơm xuống giếng cho Bống. Ngày chừa tháng dồn, Bống lớn và đẹp.

Cám nghe biết, rình lúc nàng đi vắng, dắt Bống ra, bắt đem về làm thịt. Lúc về, thấy Bống chết, Tấm

(Xem tiếp trang 17)

1) *Ngài nào biết ai là tác-giả sách này, xin làm ơn chỉ giáo cho.*

2) *Tục đọc là « tù ».*

3) *Có lẽ là « thống khốc » mà người viết chép lầm chăng?*

(4) *Khâm định Việt sử, chính biên, quyển 3, tờ 20 b chép: « Thái-tử Nhật-Tôn lên ngôi, đổi năm đầu là Long thụy Thái bình, 1054. — Ấy là vua Lý Thánh tông), đổi quốc-hiệu là Đại-Việt.*

(5) *Về việc này, Khâm định Việt sử, chính biên, quyển 3, tờ 20 a-b chép rằng: « Vua (Lý Thánh tông) 40 tuổi, chưa có con, thường ngự đến các chùa đền để cầu tự. Xa giá tới đâu, người xem chật đường tới đó. Khi vua đến làng Thổ-lỗi (nay là xã Thuận-quang thuộc huyện Siêu-loại, tỉnh Bắc-ninh), có cô gái hái dâu, đứng dựa trong bụi cỏ lau. Vua lấy làm lạ, vời vào cung, phong làm Ý-lan phu-nhân. Sau có mang, sinh hoàng-tử Kiền-Đức. Vua mừng lắm, qua bữa sau, lập làm thái tử, đổi năm đầu, đại xá thiên hạ, phong Ý-lan phu nhân làm thần-phi, lại xưng là nguyên-phi, đổi làng Thổ lỗi làm làng Siêu-loại, vì cho làng đó là ngã rẽ của phi.*

Đôi lời về

TOURANE Ở SÀI-GÒN

LÊ-THỌ-XUÂN

Vì cầu học hỏi, thờ chân lý, nên Tri-Tân bấy lâu vẫn giữ cái lệ « rộng lượng nhiều thu » đối với những bài về các vấn đề như từ ngữ học, văn-học, sử-học, địa dư học, triết-học, v.v. Tựu trung, rất có thể, cùng một vấn đề mà mỗi người có một sở-đắc, sở kiến riêng, nhưng bao giờ cũng nhằm chung một đích là đem sở-học góp vào cái kho học-thuật « Đại-Việt ».

Bài dưới đây cũng như những bài về các vấn-đề như Tì-quân Duyệt, Triết thi, Thống-nhất tiếng Nam, Lê Thiệu, v.v., các bạn nên coi đó là trao đổi ý kiến dị đồng với nhau, bổ túc lẫn cho nhau, chứ đừng hiểu lầm là mâu-thuẫn nhau như vậy.

Gặp những trường hợp ấy, Tri-Tân đã đôi lần thanh-minh ở chỗ mấy lời đặt làm « mũ ni-chầu. các bạn độc thân mến đã hiểu theo cái lệ « cứ ngang », tưởng không cần phải mỗi lần lại một lần nhắc lại.

T. T.

Tourane ở Sài-gòn ! Đọc xong bài ấy trong Tri-Tân số 146, cũng như khi mới thấy đầu-đề, người có tánh tò-mò cho là một chơn thú-vị.

Vì có nguồn cảm-hứng, tôi xin bàn giải thêm đôi chỗ như dưới đây :

Trước hết, tôi nói về bán-đảo Tiên-chà mà bạn Khuông-Việt mời độc-giả coi lại « *Guide Madrolle (Indochine du Sud)*, trang 190. Hai chữ *Tiên-chà* (người Pháp viết : Tienscha, Tiensha, Tien-Tcha hay Thien-Tcha) đây là do hai chữ *Sơn-trà* của ta mà ra. Núi Sơn-trà không thể dịch là Sơn-trà-sơn, sách chữ hán của ta chép tắt là *Trà-sơn*, rồi cái vịnh Cửa Hàn (Baie de Tourane ngày nay, sách chữ hán chép là *Trà-úc* (như « *Đại-Nam thực-lục* », « *Đại-Nam nhất-thống-chí* »).

Các cố lão nam kỳ lại đọc trạnh *Sơn-trà* ra *Sơn-chà*, mỗi khi các cụ thuật chuyện binh lửa tại Quảng-nam trong năm ngọ (mậu-ngũ, 1858).

Trái với Khuông-Việt, tôi mời bạn đọc những lời chú-giải ở trang 83 trong quyển « *Phan-thanh-Giản et sa famille* », tức là tập kỷ-yếu số 2, năm 1941, của Đông-dương học-hội (Société des Etudes Indochinoises). Đó là những lời giải về hai chữ *Trà-sơn* trong bài trường-thiên của cụ Phạm-phú-Thứ khóc cụ Phan-Lương-Khê, thuật từ lúc « cứ Trà-sơn bảng » đến ngày cụ Phan « *phong-cương chi tử phong-cương thần* » 封疆之死封疆臣. Bài này chép theo bản đề tại nhà thờ cụ Phan, có nhiều chữ khác với mấy bản « *Giá viên toàn-tập* » ở Huế.

Còn Ford du Sud thì đúng là đồn Hữu-bình, nhưng không phải là đồn Cá-trê ; tôi sẽ nói riêng trong một bài sau.

***

Tổng Tourane gồm ba làng : Chòm-sẵng (爽 sảng chớ không

phải gắng), Sơn-trà và Tứ-chánh.

Về hai chữ *Sơn trà* thì bạn đọc đã rõ như trên và thấy rõ trên bản đồ đây nữa. Còn *Chơn-sảng-tử* ngày xưa mà nay gọi là *đền Nam-chơn* thì thật rất đúng. Nhắc đến hai chữ *Nam-chơn*, tôi nhớ đến lời than-phiền rất chánh-đáng của một người pháp : ông C. Paris, người coi đặt đường dây-thép ở Trung kỳ hồi tháng mười năm 1885. Bấy giờ người pháp đã có họa-đồ của Dutreuil de Rhins vẽ trong năm 1876-1877, (1) nhưng họa-đồ này viết tên xứ sai nhiều. Trong quyển « *Voyage d'exploration de Huê en Cochinchine par la route mandarine* » (xuất bản tại Paris năm 1889, ông C. Paris phục Dutreuil de Rhins có công to, nhưng ông lại chỉ-trích các người pháp đi sau Dutreuil cứ thấy sao đọc vậy, mà tệ hơn nữa là họ bắt thông-ngôn coi những tên xứ ấy như chữ pháp và còn bắt dịch lại những tên ấy ra tiếng nam để quan dân ta nghe. Ông thêm : « Bởi thế, Nam-chơn thành Nam-hung hay Nam-tuôn, Ang-cô (2) thành Lang-cô... »

Tôi được biết như trên là nhờ đọc bài « *La route mandarine de Tourane à Huê* » (Đường thiên-lý từ cửa Hàn đến Huế) của ông H. Cosserat đăng trong tập kỷ-yếu số 1, năm 1920 của hội Đô-thành Hiếu-cổ (*Amis du vieux Huê*). Trong bài này, những chữ *Nam-chơn*, ông Cosserat viết ra *Nam-sơn*. Vì vậy, năm năm sau, ông lại có một bài đề đính-chánh, (xin bỏ chữ *Nam-sơn* mà đọc *Nam-chơn*) và đề bổ-túc (thêm cho rõ những lời ông đã thuật về tấn thảm-kịch xảy ra tại Nam-chơn). Bài sau này, ông đề tựa là « *Le drame de Nam-chơn* (28 février - 1er mars 1886). — *Quelques détails complémentaires* » (*Amis vieux Huê* 1925, n° 2, pp. 69-85).

Sở dĩ Nam-chơn được nhắc mãi là vì ngày trước người ta cố đi ngang trạm đó, chớ không phải theo đường thiên-lý ngày nay mà chỉ qua Nam-ô, chỗ có nước mắm rất ngon và Cu-đê, chỗ Đông-cung Dương đóng quân rồi bị Tây-sơn đến bắt.

Còn tại sao *Chơn-sảng* lại thành *Nam-chơn*?

Về thời Gia long, trạm này lấy tên làng sở-tại mà đặt; vì thuộc *Chơn-sảng-xã* nên đặt là *Chơn-sảng-dịch* (3). Đến tháng chín năm Minh-mạng thứ ba, Đức vua muốn cho những trạm ở tỉnh Quảng-nam đều có chữ *Nam* đứng đầu hiệp với chữ đầu của tên làng sở-tại nên *Chơn*-sảng của Quảng-*nam* thành ra *Nam-Chơn trạm* (4).

Tên trạm thì đổi như vậy, nhưng tên xứ vẫn gọi như cũ, hồi lúc người pháp đến cửa Hàn, sử ta mấy phen đã chép *Trà-sơn* và *Chơn-sảng* (5).

***

Bây giờ lại tới hai chữ *Tứ-chánh* mà bạn Khuông-Việt « rất mong được chỉ-giáo ».

Thuở xưa Bến-nghé chẳng có bao nhiêu dân-cư nhưng về sau nó bỗng thành một đại-đô-hội : người chỗ này, người chỗ nọ, người chỗ kia... tới lui tấp-nập. Bọn neo ghe ở tạm thì gọi là « dân giang-hồ », bọn kết đoàn ở ngụ thì gọi là « dân tứ-chánh ». Trong *Gia định thành thông-chí*, An-toàn-hầu Trịnh-hoài-Đức có giảng-giải : « Chính ấy là chính vậy, chính là người bẻo nước bốn phương họp thành đoàn vậy ». 蹤者正也正四方萍水之人合而成聚者也. Đó là ở trang 111 a trong bản chép tay của tôi; qua trang 171 a, tác-giả còn chua thêm : « Tục gọi người bốn phương là tứ-

(*Xem tiếp trang 16*)

(1) Lúc nầy Dutreuil de Rhins cùng các bạn đem giao cho Nam triều năm chiếc tàu khói (La Mayenne le D'Estaing - le D'Entrecastéaux, le Scorpion, le Blenhoa), 100 khẩu đại-bác (mỗi khẩu có thước đạn đủ bắn hai trăm phát), một ngàn khẩu súng tay với năm trăm ngàn bi-đạn. (« ngũ thập vạn phát », Thực-lục đệ tứ kỷ, quyển 30, trang 8 b. — « cinq cent mille cartouches », Abrégé de l'Histoire d'Annam của A. Schreiner, trang 447, và Bull. Amis Vieux Huê 1919, số 4, trang 468); chớ không phải «5000 viên đạn » như trong Việt-nam sử lược, quyển hạ trang 233). Dutreuil de Rhins và các bạn lại phải ở Huế dạy quan quân việt nam bắn súng và việc máy móc theo khoản 3 và 4 trong hòa-ước 15 mars 1874, hai khoản mà trong Histoire de l'intervention française au Tong-King de 1872 và 1874, trang 59, Romanet du Caillaud cho rằng do sự đòi hỏi khôn khéo của chánh sứ Lê-Tuấn, qua đời hai hôm sau đó. Dutreuil — có lẽ là người mà Thực lục đệ tứ kỷ, quyển 53, trang 42b chép ra « Đề Trường » — cai quản chiếc pháo thuyền Le Scorpion chiếc tàu này dài bốn mươi ba thước được vua Tự-đức đặt tên là « Lợi-dụng » Loeni Gioum ou « Gadeau utile » (? !)). — A.V.H. số trên trang 470 471 và Thực lục đệ hỷ, q. 56, t, 3 a.

(2) Phải viết An-cư mới đúng.

3) Theo Nhứt-thống dư-địa chí của Lê quang Định soạn trong năm Gia long 5.

4) Thực lục đệ nhị kỷ, quyển 17, trang 7 a và Đại Nam nhứt thống chí, quyển 6, trang 37 b.

5) Thực lục đệ tứ kỷ, quyển 22, trang 3 a . . .

ĐẠI-NAM DẬT SỰ

Số 40 *Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXIX.— Mười hai sứ-quân (*bài nối*)

Nguyễn Siêu người Đà dương, tỉnh Phúc-Kiến bên Tàu. Ông nội là Nguyễn-Đăng làm danh tướng Bắc-triều, đứng đầu bảng võ, thọ 49 tuổi; sau khi mất, truy tặng làm cố-sự đại-vương, có miếu thờ ở động Ngũ-hổ. Cha là Nguyễn-Nê có tài lực hơn người, làm quan đời Tấn (936-946) đến chức kiêu-kỵ đại-tướng-quân đô-đốc quản Bình-dương-hầu. Nhân nước ta có loạn, Nguyễn-Nê vâng mệnh sang Nam, đem ba nghìn lửa ngựa và tám vạn (?) tinh binh. Lúc bấy giờ Sách-vương (có lẽ Thiên-sách-vương tức Ngô Xương-Ngập, 951-954) và Dương Công-chúa tức mẹ Xương-Ngập) bỏ lỗ triều cống. Nguyễn-Nê đem đại-quân đến xã Thanh-quả, truyền quân hạ trại. Sau lấy người con gái xã ấy, tên là Nguyễn-thị-Mỗi làm tiểu-thiếp; ở đấy 39 năm, sinh được ba con giai là: Nguyễn-Khoan, Nguyễn-thủ-Tiệp và Nguyễn-Siêu (cùng xưng sứ-quân) đều tính bẩm phi thường, tướng tài có khác. Nguyễn-Nê mừng thấy phúc nhà, muốn mưu tính việc lớn, bèn ân uy rõ rệt, giáo dưỡng kiêm thi, xa gần vui theo, lòng người hướng phục, tiền của chất như núi, áo giáp bền, binh khí nhọn, đi đánh đâu được đấy.

Ngày ba tháng ba năm giáp-thìn (944) Nguyễn-Nê không bệnh mà mất trong trại Thanh-quả, thọ 79 tuổi. Tướng sĩ là bọn Đỗ-Hiệu, Trần-Mưu đem về táng ở dưới núi Thanh-Xuân tỉnh Phúc-kiến. Con là Nguyễn-Khoan, Nguyễn-thủ-Tiệp và Nguyễn-Siêu tranh nhau giữ binh-quyền và tước lộc, theo quê mẹ ở đất Nam, không về Tàu nữa, dần dần hóa ra người nước ta, người nào cũng nhiều của cải mà nhiều quân-quyền, lại được vua Tiền-Ngô-Quyền tin dùng, cho Nguyễn-Khoan làm Điểm-hạt tướng-quân, Nguyễn-thủ-Tiệp làm Tứ-xuyên đô-hộ, Nguyễn-Siêu làm tổng-lĩnh tướng-quân, đều có binh lính và thái-ấp của dân, người đều xu-phụ.

Nhân nước Nam về cuối đời Ngô Nam-Tấn (965) chính-sự trễ biếng, thiên-hạ nổi loạn, các tướng-thần đều tranh nhau mỗi người chiếm cứ một khu. Ba anh em họ Nguyễn cũng dự vào số tướng-thần ấy. Đại-tướng-quân là Nguyễn-Khoan giữ vùng Lập-thạch phủ Tam-đái, tỉnh Sơn-tây; trung-tướng-quân là Nguyễn-thủ-Tiệp giữ huyện Tiên-du, tỉnh Kinh-bắc (nay Bắc-ninh); thủ-tướng-quân là Nguyễn-Siêu giữ xã Đông-Phù-liệt, huyện Thanh-đàm (nay Thanh trì) đều cắt đất cầm quân, thiết lập đồn trại cung phủ, thu lấy binh dân, để mưu toan việc lớn. Tướng-quân Nguyễn-Siêu nuôi được tám nghìn đệ-tử và hơn mười vạn (?) binh mã, ngày đêm lo-lắng, thu dùng hào-kiệt.

Lúc bấy giờ (965-967) có người ở Bái-xuyên tên là Nguyễn-thị Ngọc-Giá, là con Ngọc-Kiều, tuổi vừa đôi tám, vào hầu trong phủ; vài năm sinh con giai là Nguyễn-Triệu, con gái là Nguyễn-thị Ngọc-Cầu, Nguyễn-Siêu lại dùng người Bái-xuyên tên là Lưu-Triều làm tỷ-tướng. Lưu-Triều là người dữ tợn, thương vật khinh người, dân-gian phần nhiều sợ hãi.

Nguyễn-Siêu sai đem hơn một vạn quân đóng ở Thanh-đàm (tức xã Văn-uyên) thuộc Thanh-trì để phòng bị, dùng Nguyễn-Trí-Khả làm tiên-phong, Trần-Côn làm tả dực, Đỗ-cơ làm hữu-dực, Nguyễn-Hiếu làm tổng-quản các đạo quân. Nguyễn-Siêu vỗ về xa gần, thu dụng hiền tài, thiên-hạ sợ phục, xa gần theo mến.

Lúc bấy giờ trong nước không có chủ, mười hai sứ quân tranh nhau nổi dậy, nhưng không ai có đủ tài để thống nhất. Tháng 11 năm bính-dần (966), Đinh-bộ-Lĩnh khởi binh ở dưới núi Đọi (Đội-sơn): bộ lạc các nơi sợ phục, trong triều ngoài nội theo Đinh ba nghìn tướng-sĩ đánh đâu được đấy, hình như đến chỗ không người, thiên-hạ cho là vô-địch.

Tướng-quân Nguyễn-Siêu sai các tướng-sĩ luyện tập binh lính, đào hào đắp lũy, để phòng bị. Nhân đắp con đê từ sông lớn An-Việt đi ngang qua sông nhỏ Tiểu-Ám, làm xong trong một đêm canh giữ các chỗi, đóng chặt cửa thành, không ai làm gì nổi.

Ngày 6 tháng 6, tướng nhà Đinh là bọn Nguyễn-Bổ, Nguyễn-Phục, Cao-Sơn và Đinh-Thiết đem binh mã đi đường phía nam, qua Phú-xuyên, Thượng-phúc, đến đóng ở Ngọc-hồi, Bình-vọng, giáo mác rợp

trời, tinh kỳ che đất, kéo đến vây chặt vài vòng, nhân dân trong hào lấy làm nguy cụ. Nguyễn-trí Khả, Trần-Côn, Đỗ Cơ, và Phạm-Hiến xin với Nguyễn Siêu mở lũy ra đánh. Từ giờ dần (ba giờ) đến giờ thân (17 giờ) đánh nhau đến vài mươi hiệp, chém được tướng Đinh là Nguyễn-Bồ ở Cổ-điền, Nguyễn-Phục ở Văn-điền, Cao-Sơn ở Tương-trúc, Đinh-Thiết ở Thọ-am. Ngoài đồng máu chảy thành sông, thây nằm chật đất. Đinh-bộ-Lĩnh nghe tiếng giận lắm, xin mệnh lệnh ở Trần Minh-công chém ba mươi tên quân huống-đạo để nghiêm quân pháp. Đinh-bộ-Lĩnh lại sai đại-tướng-quân là Nguyễn-Bặc đem một đạo quân làm tiên-phong, thập đạo tướng-quân là Lê-Hoàn làm tiếp chiến, đem tám nghìn binh. Đinh-bộ-Lĩnh làm thống-lĩnh đem một nghìn voi ngựa và bảy vạn (?) tinh-binh, đi tắt đường đến xã Cẩm-cơ, hễ nghe tiếng súng, đánh phá đến cùng. Nguyễn-Siêu nghe tiếng, chọn tướng kéo binh, sửa soạn, đương ăn, đặt phục chỗ hiểm yếu.

Ngày ấy là 28 tháng 6, có người tú sĩ tên là Đỗ-khả-Tiên từ phương bắc đến cửa quân, dâng mưu-kế rằng: « Trộm nghe dùng binh đánh giặc, phải có định-mưu, thì mới có cơ thủ thắng. Nay tướng-quân chính là quý tộc ở Bắc-triều, làm danh-thần Nam-quốc, thừa thời-thế mà đánh kẻ có tội cứu dân, muốn dựng cái cơ-nghiệp như Hán-đế, nhân thế-lực mà dưỡng oai thêm nhuệ khí, thì sợ gì bảy vạn quân Đinh; lẽ giời cho phúc, lòng người theo về, chính ở lúc này. Việc gì lại khu-khu một chỗ ấp nhỏ, tự cậy là quân mạnh? Tướng-quân làm như thế, thì sao thành được nghiệp lớn? Tôi nghe phía tây có đại-tướng-quân là người hào-kiệt bơn đời, phía bắc có trung tướng-quân là người hào-kiệt trong đời; nếu có thể nhân cơ-hội này, thì nghiệp lớn có lẽ làm xong? Nay tướng-quân non sông nửa cõi, một mình cô-độc ở một lũy riêng, quân viện không có, lương thì thiếu ăn, binh sĩ và qua giáp chưa tinh, so với quân tinh-nhuệ của kẻ kia kéo đến, chắc không địch nổi. Vậy tướng-quân nên lui quân về phía tây-bắc, xin quân viện ở sứ-hạnh, cho tướng chảo-nha, cho quân hùng-hổ các tướng đến ứng viện, một đường từ phía bắc huyện Đông-an đi qua cầu mà sang, một đường từ phía tây huyện Từ-liêm thẳng đường đi xuống, khiến cho quân Đinh kia như Tần đánh Sở, phá cái mưu « hợp tung liên hoành » của họ, quyết sự được thua trong chớp mắt, định cuộc hưng vong ngay bấy giờ. Được như thế, thì Lê Hoàn vỡ mật, không kịp bày mưu, Bộ Lĩnh kinh hồn, khó bề khôi phục. Đến lúc ấy quân ta có cái thế như bẻ tre, như gió lướt, có cái oai như sấm dữ, như sét vang; lấy ra cái mưu-kế bình Ngô, như bẻ cành khô, dựng cơ-nghiệp muôn năm, dễ như dỡ bàn tay, tướng-quân làm gì mà chẳng thành công ».

Nguyễn-Siêu theo mưu-kế ấy. Ngày 10 tháng 7 ta năm 967 họp nhau minh thệ, chia quan quân làm hai bộ: một bộ ở giữ lũy, một bộ đi xin quân cứu viện. Đến rằm tháng 7, nước sông lên to, quan quân qua địa-phận sông Đông phù hiệt, đi đò ngang sang phía bắc, đến giữa sông; tự nhiên nổi cơn gió lớn, hoàng-thiên không có ý giúp, cho nên thuyền tướng và quân-nhu khí giới đều bị chìm sạch. Bộ-Lĩnh nghe tin, nửa đêm sai vũ-sĩ Nguyễn-Đoàn (cả bọn hơn mười người) ngầm vào trong trại, nhân gió cho lửa vào đó, bốc lên dữ-dội, khói đen kịt một vùng giời: người trong trại đương đêm hồi hoảng, chạy tan đi mất, người một ngả, duy có Ngọc-Gả, Nguyễn-Triệu và Ngọc-cầu cùng bọn đệ-tử vài nghìn người, chạy đến danh tướng-quân Nguyễn-thủ Tiệp đóng ở Tiên-du. Cách vài tháng sau, người ta đồn có cái xác nổi chôi đến bãi-xuyên; một người một ngựa trôi ở ngoài sông, ba tháng không nát, diện mạo như khi còn sống, người ta cho là thần. Ngọc-Gả, Nguyễn-Triệu và bọn đệ-tử là Nguyễn Liêu, Nguyễn-Thảo, Phạm-Sại, Phạm-Tuân, Đỗ-Như, Trần-Hội, Bùi-Thi, Lưu Khả hơn vài chục người, cùng đến, thấy sự như thế, nhân với lấn an-táng ở bãi phù-sa (nay gọi là Mả Bái), dựng vài gian nhà tranh để làm nơi cúng tế và sớm tối đèn hương. Bọn Bùi-Thi, Lưu-Khả ở lại trông nom thờ cúng.

Bấy giờ Đông phù-hiệt là quân thủ của 12 sứ-quân kia, cho nên

(Xem tiếp trang 19)

Thống-chế Pétain đã nói:

Chiến tranh ngày nay lôi kéo quốc-gia vào cuộc làm toàn thể quốc-dân phải hồi hộp, chịu chung những nỗi lo lắng và sự nguy hiểm, bắt buộc tất cả mọi người, nam phụ lão ấu, cùng với chiến sĩ, đều phải dự bị chiến tranh về mặt tinh thần.

Một bài hát giặm có quan hệ đến lịch-sử cận đại :

Chuyện cậu ấm Ninh[1] khởi nghĩa

LÊ THƯỚC

Lời chú của người sao lục. — Bài này mới đăng trong một quyển sách vừa xuất bản tháng trước, nhan đề « *Hát Dặm Nghệ Tĩnh* » tác giả sách ấy là ông Nguyễn Đổng Chi (trang số 130 đến 137) ông Nguyễn Đổng Chi đã có công sưu tập và chú thích rất kỹ lưỡng, thật là một công phu rất đáng khen ngợi. Tuy nhiên, tôi xét còn có nhiều chỗ sai. Vì tôi ở cùng làng với ông Lê trọng Đôn, người đã đặt ra chuyện hát giặm nói trên, (Nên dùng chữ *giặm* thì đúng hơn chữ *dặm*, vì dặm chỉ có nghĩa là một quãng đường dài hay một khoảnh đất rộng, không có nghĩa là « xen vào », « tiếp thêm » vào như nghĩa chữ *giặm* dùng trong tiếng « Hát giặm ». Ai để ý nghe người dân quê ở nhiều làng tỉnh Hà tĩnh nói thì nhận rõ họ phân biệt chữ *giặm* và *dặm*, không khác người Bắc phân biệt dấu hỏi và dấu ngã hay người Huế phân biệt vần *ch* và *tr*). Tôi đã sao bài hát giặm ấy theo miệng của người hát, đọc thuộc lòng, và đã được con trai tác giả là ông Lê văn Bằng tức ông Cửu Thơm, cùng nhiều môn đệ của tác giả như cụ thân sinh tôi là Lê trọng Liệu và thân thúc tôi là cụ Thị Lê Sà v. v. đính chính lại rất cẩn thận. Nay tôi nghĩ nên đăng tiếp bài của tôi sao lục để độc giả rộng đường tham khảo, mà sửa đổi lại những chỗ sai lạc thì cái công sao tập của ông Nguyễn Đổng Chi lại thêm hoàn bảo bổ ích. Tiếp sau tôi sẽ đăng nốt bài phú « Trung-lễ thất hỏa » và nhiều tác phẩm khác của ông Lê trọng Đôn, tục gọi thầy đầu phủ Cam nổi tiếng hay nêm ở vùng tôi về hồi cận đại.

L. T.

Anh hùng lập chí công danh,
Trọng vì việc nước nên khinh việc nhà.
Lúc bôn bá (2) thừa xa,
Ai cũng đều kinh hãi :
Cậu một lòng trung ái,
Ra tỉnh Nghệ thám tình hình
Về xuất của mộ binh :
Mộ Phù-long hai vệ, (3)
Mộ Yên trường (3) ba vệ.
— Kéo về Trung-lễ (4)
Trống điểm mục đánh vang,
Đòi thượng hạ trong làng,
Nhà ba đinh bắt hai,
Nhà hai đinh bắt một,
Bắt tiền ra gạo góp
Tính từng hộc từng thăng,
Dân bắt cấu phú bẩn
Ai cũng đều kinh hãi.
— Dân về nghĩ lại,
Đến cửa cậu kêu ca.
Rằng : đất nước nhà ta,
Vô sơn xuyên chi hiểm,
Vô bải hà chi hiểm.
Thói dân ta cần kiệm
Chỉ xay xáo cày bừa,
Súng không biết máy, cò
Roi không quen đường thảo (5)
Ta với tả đạo,
Vốn buôn bán thông hành
Vô hà sự tương tranh,
Xin cậu đừng khởi mộ
Xin cậu đừng xướng mộ.
— Cậu rằng : ta tuy tuổi nhỏ,
Cũng dự tiếng văn thảo :
Rằng tả đạo với lương dân
Giai Triều đình xích tử (6)
Cũng Triều-đình xích tử.
Dám đâu hiếu sự,
Vọng khởi tranh đoan
Dân dừng có lo van,
Ta viết tờ sang cụ. (7)
Sẽ viết tờ sang cụ.
— Chỉ giận vì ông Bố (8)
Vì thần đạo bất trung.

Chỉ vua đã mật phong,
Về mộ quân mộ binh.
Trước hạ thành Hà tĩnh,
Sau nghinh giá lồ triều,
Cho rõ mặt anh hào.
Người Hồng sơn Lam thủy (9)
— Cậu một mai đắc chí, (10)
Sai tiền đạo tổng Ngà (11)
Với Kỳ anh Thạch hà (11)
Lấy tỉnh thành như nhởi (chơi)
Hạ tỉnh thành như nhởi (chơi)
Tứ hề phới phới,
Đeu hưởng ứng ảnh tọng,
Binh năm đạo rỏng rỏng,
Mặc áo thâm khăn ngại,
Tuyền áo thâm khăn ngại (12)
Nào bạc tiền khí giái (giới),
Nào lương thực ngựa voi?
Lên hành tại (13) nộp rồi,
Kéo về làng đồn thủ,
Về trữa (giữa) nhà đồn thủ.
— Hai bên đội ngũ,
Có tác hậu tác tiền (14)
Trống quân thở rập rình,
Cờ Mạnh Khang đỏ rỡ,
Cờ cần vương đỏ rỡ.
Làm trai ra rứa (như thế)
Đã nên hiếu nên trung
Lúc trời hộ anh hùng
Sánh Vũ Khiêm cũng khá
Sánh Thiên Tường cũng khá (16)
— May nhờ trên Hạ
Lại có quan Đình, (17)
Ngài phụng mạnh đề binh,
Sang Thọ ninh đốt phá,
Xuống Định trường đốt phá (18)
Thế cô lực quả,
Lên Hành tại viện binh
Chỉ mới triệu Bang Ninh (19)
Ra đồng tâm hiệp lực,
Về đồng tâm hiệp lực.
— Bấy giờ mới sức,
Phu ứng trực địa dầu,
Nào rơm lạt củi dầu,

1) Tức ông Lê Ninh, được vua Hàm Nghi phong cho Bang biện quân vụ, nên cũng gọi Bang Ninh.

2) Bôn bả là chạy trốn, chỉ vua Hàm Nghi.

3) Phù-long và Yên-trường là hai làng ở Nghệ. Phù lông là quê vợ ông Lê Ninh.

4) Trang-lễ là làng của ông Lê Ninh, xã Cổ ngư tổng Văn lâm, huyện La sơn, phủ Đức thọ (Hà tĩnh). Cuộc cần vương thất bại, làng bị thiêu phá triệt hạ trơ trọi còn đám đất hoang, dân sự già trẻ không chết cũng bị lao tù, ai sống sót được về đều tháp (sáp) vào các làng bàng cận, trừ một số ít ở theo ông Lê văn Khuê tức Bang Khuê thám nã có công được lấy bớt một khu đất của làng cũ mà lập thành thôn Qu nhân thì mới khỏi bị phân tháp. Còn các người khác xiêu giạt mãi sau được phục hồi nguyên quán lập thành làng mới, gọi là Lạc thiên, tức làng Trung lễ trước kia.

5) Đường thảo là đường tập rol theo việc võ của ta ngày xưa.

6) Đều con cái của Triều đình.

7) Tức cụ đạo, chỉ các cha, các cố bên giáo, nghĩa là vẫn giao hảo với nhau, không sinh sự tranh giành, làm trái lòng dân.

8) Là ông Lê Đại, bố chánh Hà tĩnh lúc bấy giờ theo Triều đình Huế không vâng mạnh vua Hàm Nghi; Lê Ninh đem quân hạ tỉnh thành bắt được đem hành hình.

9) Hồng sơn tức núi Hồng Lĩnh tục danh Ngàn Hồng; Lam thủy tức sông Cả phân giới Nghệ tĩnh. Núi Hồng sông Lam là hai danh thắng biểu hiện cho khí tiết của người xứ Nghệ tĩnh.

10) Sách Hát giặm của ông Nguyễn Đổng Chi, chép đắc chí có lẽ sai.

11) Tổng Nga khê, thuộc Can lộc. Huyện Kỳ anh và phủ Thạch hà cũng về Hà tĩnh. Các nơi ấy đều có các đạo quân cần vương đóng.

12) Ngại là màu xanh pha vàng, đậm hơn màu hoa lí. Sách Hát giặm chép « khăn thâm áo ngãi », theo các cụ già nói thì không đúng, quân dung của Lê Ninh, toàn mặc áo thâm thắt dây lưng ngại.

13) Nơi vua Hàm Nghi đóng, vào khoảng rừng núi trên chỗ giáp giới của hai tỉnh Hà tĩnh và Quảng bình.

14) Hai chức quan võ, to hơn suất đội.

15) Mạnh Khang là tên hiệu của Lê Ninh.

16) Vũ Khiêm và Văn Thiên Trường là hai trung thần nhà Minh và nhà Tống bên Tàu.

17) Quan Đình tức cụ Đình nguyên Phan đình Phùng, đứng đầu đảng Văn thân Nghệ tĩnh.

Hai câu ấy nguyên chép rằng :

« Vì chưng trên Hạ,
Lại có quan Đình
Ngài sinh sự sự sinh
sang Thọ ninh... »

Mấy câu ấy tỏ ý tác giả không muốn sinh sự với giáo dân; Bị thuộc hạ cụ Đình đòi đến để trị tội, tác giả cãi lại rằng ấy là nghe đọc sai, chính bài của ông chép rằng :

« May nhờ trên Hạ,
Lại có quan Đình,
Ngài ghét giống hồi tanh
sang Thọ ninh v. v... »

Nhờ ứng đối nhanh, tác giả được tha về Hạ là lòng Hạ, tức Việt yên hạ xã, chính làng cụ Phan Đình Phùng. Thường gọi làng Đông thái.

18) Thọ ninh và Định trường, hai làng thuộc Đức thọ, toàn giáo dân ở, có nhà Thờ đạo to nhất vùng ấy.

19) Nghe nói ông Lê Ninh cho câu ấy có vẻ khinh miệt gọi tác giả đến đòi chém. Ông Lê trọng Đôn liền đáp lại vì chỉ vua triệu thì phải nói Bang Ninh, chứ không thể nói quan Bang Ninh. Nhờ vậy khỏi chết.

(Xem tiếp trang 13)

Quyển Văn minh thế giới

Ông-bèo NGUYỄN-VĂN-TO

Ông Nguyễn Bách Khoa mới in trong bộ « Tân văn hóa » cho tạp-chí *Văn mới* (số 38-39, ngày 25-7-1944) một cuốn tên là *Văn minh sử yếu lược*, quyển thượng dày 183 trang. Quyển này nói về thời « sơ thủy » và thời « trung độ » của văn-minh thế giới : « sơ thủy » là « văn minh thạch khí » ; « trung độ » là « văn minh nông nghiệp », tức văn-minh nước Ai-cập, châu Lưỡng-hà (Mésopotamie), quần-đảo Egée (Crète và Mycènes), miền Tây-Á nước Ấn-độ và nước Trung hoa (Hy-lạp và Trung Nam Mỹ sẽ nói ở tập ba).

Ông Bách Khoa trích dịch những sách tây có giá-trị, duy đoạn « Văn minh thạch khí » ông theo phải quyển đã cũ, nên có nhiều câu không đúng, như câu « bắt đầu từ thời mousterien, cách đây chừng 15 vạn năm... » : hiện giờ không mấy người ước lượng như thế nữa, vì có một nhà địa-chất-học ở nước Thụy-điển tên là De Geer đã đặt ra một phương-pháp khoa-học, là « phương-pháp xét những thứ đất lắng xuống thành lớp mỏng, mỗi năm một tầng » (méthode des sédiments feuilletés à zones annuelles) : quyển tiền-sử của ông A. Vayson de Pradenne đã nói rõ (*La Préhistoire*, Paris, Armand Colin, 1938, trang 136-137).

Ông Bách Khoa không nói chi đến thời khuyết-sử ở nước ta, có lẽ vì ông không xem những sách báo khảo về xương sọ và lưỡi tìm-sét đào thấy ở tỉnh Hòa-bình và dãy núi Bắc sơn. Các nhà tiền sử gọi thời « Hòa-bình » là thời cựu-thạch (paléolithique) và thời « Bắc-sơn » là thời tân-thạch (néolithique) ở đất Đông-dương. Quyển tiền-sử của ông Vayson de Pradenne (tr. 201-208) cũng có nói đến ; thế thì sách quốc-ngữ, dù tóm-tắt đến đâu, cũng nên nói qua, để người mình biết rằng trong thời-đại, chưa có sử, nước ta có những giống người nào đến ở và dùng những đồ bằng đá như thế nào.

Đoạn văn-minh Ai-cập cũng chép sai dịch sai, thí-dụ ở trang 110 ông Bách Khoa dịch một câu của ông René Grousset (*Les Civilisations de l'Orient*, q. 1, tr. 27) như sau này : « Người Ai-cập tin ở thuyết linh hồn bất tử », chính là người Ai-cập ngày xưa tin rằng hồn còn sống sót (Les Egyptiens croyaient à la survivance de l'âme) ; — « khi chết cái hồn ấy vẫn tồn tại trong mồ », chính phải dịch là phần sác chết đi rồi, thì phần hồn tiếp-tục sống trong mồ như khi sống trên dương-gian (l'âme, après la mort, continuait dans la tombe son existence terrestre) ; — « phải tạc tượng, hoặc vẽ, khắc vào đá hình người chết hình các người thân thuộc với người chết và những công việc người chết thường làm lúc sinh thời ; dân gian cho rằng sau khi chết, hồn người vẫn sống y như lúc còn ở trong thể phách », chính phải dịch là để trong mồ những pho tượng nhỏ và những bức tranh vẽ hình người chết cùng người thân thuộc và các công việc làm trên trần-thế tức là những công việc mà người Ai-cập cho rằng người chết vẫn tiếp-tục làm dưới âm-ti (la présence, dans la tombe, de statuettes et de peintures représentant le défunt, son entourage et ses diverses occupations sur la terre, occupations qu'il était censé continuer aux enfers).

Đoạn văn-minh Ấn-độ cũng nhầm nhiều, như trang 141 có câu « thần Soma là mưa », chính là thần của một thứ cây mà người Ấn-độ dùng trong khi lễ-bái : sách thần-thoại (như quyển *Mythologie asiatique illustrée*, tr. 84, cắt nghĩa là : plante enivrante dont le suc... était utilisé dans la célébration des cérémonies rituelles, le soma fut de bonne heure divinisé), — sách mỹ-thuật (như quyển A. K. Coomaraswamy, *Pour comprendre l'art hindou*, tr. 8, cũng cắt nghĩa là : esprit d'une plante enivrante utilisée dans les cérémonies), — tự-vị chữ phạm (như quyển N. Stchoupak, *Dictionnaire sanskrit-français*, tr. 861, giải nghĩa soma là jus obtenu par pressurage de la plante et plante Soma, sorte d'asclépiade (?) qui sert, mélangée à l'eau et purifiée, au sacrifice de type védique ; personnifiée, en divinité), — các sách có giá-trị đều chép là thần cây, chứ không phải thần mưa. Chữ phạm trong sách ông Bách Khoa in nhầm nhiều lắm, như trang 156 có chữ « phái Yoyo », chính là yoga, chữ Hán dịch là du-già, trang 140, có chữ « thần Indre », chính là Indra, ta gọi là Đế-thích, v. v.

Đoạn văn-minh Trung-hoa chia ra « chính-trị », « kinh-tế »..., nhưng chính-trị chỉ nói đến đời Đường, mà kinh-tế lại nói mãi đến đầu thế-kỷ thứ 14, tức là sắp

(*Xem tiếp trang 21*)

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 64 *Ứng-hoè* NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều bài nối

Mười sáu câu kinh-bản nói về Thúy Kiều bị Hoạn-thư hành-hạ ông Nguyễn-văn-Vĩnh (xem bản *Kiều* in năm 1943, tr. 474) cũng đã chép, nhưng khác mấy chữ như sau này: « Sớm khuya hầu hạ đài-đình » chép là « hầu trước đài-doanh »; « Nét sầu khôn gượng, lệ tình còn hoen », chép là « giọt tình khôn hoen », chữ « khôn » không đúng nghĩa; « Bỉ-tiên giao lại một khi » chép là « đem lại tức thì »; « Sinh đã ruột sắt như bào » chép là « như cào »; « Nói ra chẳng tiện, trông vào chẳng đang » chép là « sao đang » « Loanh-quanh cua lọt bò sàng » nghĩa là như con cua bò lên trên sàng, bị lọt chân xuống lỗ sàng, bản quốc-ngữ năm 1943 chép là « cua rụt bò sàng » thì không có nghĩa; « Xem rồi đưa lại tiểu-thư, Thoạt trông nhường cũng ngẩn-ngơ chút tình » chép là « Đọc rồi đưa lại tiểu-thư, Thật xem dường cũng ngẩn-ngơ xót tình ». — Bản quốc-ngữ in năm 1920 (tr. 123) chép gần đúng như bản chữ nôm của cụ Kiều-oánh-Mậu (*Đoạn trường tân thanh*, tờ 48 a).

Câu « Những e lại lụy đến nàng, Đánh liều mới sẽ lựa đường nơi tra »: phường-bản của Quan-văn đường (tờ 60 a) chép như thế; kinh-bản chép hai chữ « đánh liều » làm chữ « lấy lòng »; bản quốc-ngữ cũ (1920, tr. 124) và *Kim Vân Kiều chú* (bản sao của Bác-cổ A B 233, tờ 50 b) chép chữ « lựa đường » làm « liệu đường »; bản quốc-ngữ mới (1943, tr. 464) chép là « lựa lời » thì sai vần.

— Bản quốc-ngữ cũ (1920, tr. 125) và phường bản chép là « Thôi thì thôi, cũng chiều lòng, Cũng cho khỏi lụy trong vòng bước ra ». Quốc-ngữ mới (1943, tr. 468) và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Cũng cho nghỉ nghĩ trong vòng bước ra ». Kinh-bản (tờ 48 b) chép là « Thôi thôi, thôi cũng chiều lòng, Cũng cho cho nghĩ trong vòng bước ra »: chữ « nghĩ » ở đây chỉ vào Kiều; tiếng Nghệ-tĩnh gọi « nghĩ » cũng như tiếng Bắc-kỳ gọi « bắn » hay « nó ».

— Phường-bản và quốc-ngữ mới (tr. 469) chép là « Có cô-thư, có sơn hồ, Cho nàng ra đó, giữ chùa tụng kinh ». Kinh-bản chép là « Có thảo thư, có sơn hồ, Cho nàng ra đó, giữ chùa chép kinh ». Chữ « chép » phải hơn, vì đoạn dưới có câu « Khen rằng bút pháp đã tinh », tức là có cả viết, chứ không phải những « tụng » mà thôi.

— « Nàng từ lánh gót vườn hoa, Đường gần rừng tía, đường xa bụi hồng ». Truyện *Tây du* có chép « khi Đường-tăng bị nạn kim-ngư, Tôn hành-giả đến cầu cứu ở Tây Phật-bà Ngày hôm ấy Phật-bà đương ngồi ở trong vườn rừng tía, chẻ trúc để chơi. Hành giả đi thẳng vào, lạy Phật-bà để cầu cứu. Phật-bà đưa cho cành trúc, nói rằng thế cũng đủ giải được nạn ấy ». Hai chữ « rừng tía » trong *Kiều* là nói được gần Phật.

— Hai bản quốc-ngữ, phường-bản và *Kim Vân Kiều chú* đều chép « Nhân-duyên đâu lại còn mong? Khỏi điều thẹn phấn, tủi hồng thì thôi ». Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Nhân-duyên đâu nữa mà mong? » Có lẽ chữ « đâu nữa » nghe thuận tai hơn.

— *Kim Vân Kiều chú* và hai bản quốc-ngữ đều viết « cho hay giọt nước cành dương, Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần-duyên ». Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Mát thay giọt nước cành dương ».

— Phường bản và bản quốc-ngữ chép là « Quan phòng thoạt nhặt lưới mau ». *Kim Vân Kiều chú* chép là « Khuê phòng ». Kinh bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Cửa Thiền », Kỳ ra thì câu ấy theo chữ « Cửa Thiền » phải hơn.

— Các bản đều viết « Vì ta cho lụy đến người. Cát lầm ngọc trắng thiệt đời xuân-xanh ». Duy Kinh-bản chép là « Cát lầm ngọc trắng, thiệt thòi xuân-xanh ».

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giá báo

1 năm	20$00
6 tháng	11,00
3 tháng	6,00
Mỗi số	0,50

BA NGƯỜI THỢ CÀN MẪN

Số 5

LÊ-THANH

Từ năm 1924 đến 1932 ông chuyên dạy quốc-văn (văn chương Hán-việt và từ ngữ) ở trường Cao-đẳng Hà-nội.

Một phần các bài báo, bài diễn thuyết của ông sau này có đem in thành sách trong loại : Nam-phong tùng-thư :

Văn - minh - luận — Ba tháng ở Paris ; — Văn học nước Pháp — Chính trị nước Pháp — Khảo về tiểu thuyết — Lịch sử thế giới (1930) — Lịch sử và học thuyết Voltaire (1930). Idéal du sage dans la philosophie confucéenne — Cái quan niệm người quân tử (bản dịch) (1928) — Le Paysan tonkinois à travers le parler populaire (1929) — Phật giáo đại quan (1931) — Tục ngữ ca dao ; la Poesie annamite (1931).

Ngoài ra ông còn viết nhiều báo bằng pháp văn ; sau này những bài chính đem in thành hai tập *Essais* và Nouveaux essais france-annamites ; trong hai tập này ta có thể thấy rõ cái chủ trương về chính trị và học-vấn của ông.

Năm 1932 ông được triệu vào kinh làm thượng thư, năm 1933 đứng đầu bộ Quốc gia giáo dục, năm 1942 bộ Lại cho đến ngày nay.

Theo lời ông thuật trong Nam phong thì sau bốn năm học, thi tốt nghiệp, đáng lẽ ông bị 0 về chữ Hán, nhưng vì hội đồng thấy những bài khác, thứ nhất là pháp-văn khá, đã cho 1 điểm để khỏi bị loại. Sau ông giỏi chữ Hán là nhờ tự học cả.

« Phật tổ Thích-già đã nói : « Hễ nhất thiết chúng-sinh chưa thành Phật, thì ta đây cũng chưa thành Phật vội. Ta còn nguyện ra tế độ cho chúng-sinh ». Lại lời Bồ-tát Quan-âm thề rằng : « Hễ bao giờ còn có một mảnh bụi trần-luân trong bể khổ, thời ta đây chưa thành Phật vội. Ta còn muốn ra tay gải thoát cho được đã, nhiên-hậu mới thành Phật ».

« Tôi xin ước-ao rằng những người có chí trong nước ta, những khi đêm khuya thanh vắng, một bóng một mình, ngồi mà ngẫm nghĩ đến hậu vận nước nhà, đến giống-nòi Hồng-Lạc, cũng nên khởi bồ đề tâm, phát bồ-đề nguyện, tự minh thề với mình rằng : « Hễ bao giờ trong đất Việt-Nam này còn có một người dân ngu-si, đốt-nát, cực-khổ lầm-than, thời ta đây dẫu thông minh sáng-suốt, phú-quí giầu sang đến đâu đi nữa, cũng chưa lấy thế làm mãn nguyện, ta còn muốn đem chút tài bèn trí mọn mà giắt dìu cho đồng-bào ra chóng bước lên đường văn-minh tiến-hóa cho theo kịp bằng người ». (1)

Trên đây là đoạn kết một bài diễn thuyết về đạo Phật của ông. Tôi đã trích nó ra vì tôi tưởng nó tóm tắt được một cách rất chu đáo cái « đạo » làm một người dân Việt-nam, giỏi cho có thông-minh có học thức, của ông.

(*Còn nữa*)

LÊ THANH

1) *Phật giáo đại quan*

TỦ SÁCH NGÀY MỚI

Đã phát hành: **VĂN-CHƯƠNG và XÃ-HỘI**

của Lương-đức Thiệp *Giá : 2$5*

nghiên cứu về nguồn gốc văn học và nghệ-thuật — tính cách đẳng cấp trong văn-học Việt-Nam — xu-hướng xã-hội trong văn-học Việt-Nam hiện đại.

ĐANG IN :

KHỔNG GIÁO VỚI ÔNG ĐÀO DUY ANH

nghiên - cứu của Nguyễn uyên Điểm

VIẾT VÀ SỐNG *của Nguyễn-xuân Huy.*

CON MỘT ÍT :

MẸ TÔI *gia đình tiểu thuyết của Nguyễn khắc Mẫn Giá 5$80*

VĂN HỌC VÀ TRIẾT LUẬN

của bà Mộng Sơn *Giá : 2$50*

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi Giám Đốc : LÊ MỘNG CẦU

Chuyện cậu ấm Ninh...

(Tiếp theo trang 9)

Biết chừng mô (nào) hao tốn
Biết chừng nào tiêu tốn
Mấy ngày đầu xộn rộn,
Chỉ ray đánh mai khống,
Đồng ở ột phía bên sông (20)
Múa ngọn gươm xáo ráo,
Phất ngọn cờ xáo náo.
— Ai ngờ bên giáo,
Lại có kẻ tài tình :
Ngoài khiến trống đề binh
Ra độc đường nhị đ ện (21)
Trong viết tờ cứu viện,
Ra tỉnh Nghệ mời Tây.
Về súng nổ như pháo dây
Trên quan Đình phải chạy
Dưới quan Bang cũng chạy.
— Thừa cơ đốt cháy
Từ Thịnh-quả Yên-đồng (22)
Đến Hạ-tứ thôn Trung (22)
Kì ấp tứ bề tàn hại,
Khéo làm chi tàn hại,
Nào đàn bà con gái,
Nào kẻ trẻ người già,
Chạy như hán như hà (23)
Ra ngoài đồng coi (xem) khói,
Đứng trữa (giữa) đồng coi khói,
— Dân đã nên tức tối,
Mà không dám trách ai,
Hồi đại vãng tiểu lai (24)
Trách ông trời hiếu loạn
Giận ông trời làm loạn.
Biết nhờ ai tụy hoán (25)
Cho lương tả tương yên
Trên Nhà nước vững bền,
Dưới vạn dân khang thái.
Khéo làm chi mãi mãi !
Cho « bang duật lương tri » (26)
Dầu đạn lạc tên bay
Cũng ba thăng dân trương
— Tuy rằng trống lủng,
Rồi kèn cũng hết hơi,
Tru (trâu) bằng chắc (nhau) đành rồi
Khổ vì chưng rỏi mọi (ruồi muỗi)
Thương vì đoàn (đàn) rỏi mọi (ruồi muỗi),
— Người xa đã nói :
Lấy trung hiếu làm đầu,
Dầu tấc đất ngọn rau,
Cũng nhờ ơn vua chúa.
Dân ta như khúc gỗ,
Dầu lăn mãi cũng đành
Tồ g ặ g ã tung hoành,
Chạy đàng trong không khỏi
Chạy đàng ngoài không khỏi.
— Nói ra thời sợ tội,
Không nói cực lòng dân,
Ai là kẻ trung thần
Xin soi gương cho tỏ,
Gạt đèn trời cho tỏ,
Đàn ra cho rõ,
Đề h ết việc thủy chung,
Hưu tương thành bại luận anh hùng (27)

Tác giả : Lê trọng Đôn, tức ông Đầu phủ Cam-Lê-Thước, người cùng làng, sao lục

LÊ THƯỚC

---

20) Tức sông La giang, giữa hai làng Thọ ninh và Định trường, cách làng Trung lễ ba cây số, chảy qua làng Đông tnái thẳng xuống sô g Lam giang

21) Một mình đương hai mặt, trên quan Đình đánh xuống, dưới quan Bang đánh lên

22) Tên bốn làng dân lương ở gần hai làng dân giáo Thọ ninh và Định trường. Vì có dự vào trận đánh ấy, bị thua, nên dân giáo trả thù đốt phá cướp bóc tàn hại Thôn Trung tức thôn Trung lễ, làng của ông Lê Ninh nay là Lạc thiện.

23) Hán, Hà là hai con sông tên bên Tàu, nhiều nước và chảy mạnh. Ý nói xô khan mà chảy như nước chảy.

24) Ý nói hồi loạn lạc.

25) Tụy hoán là hai quẻ trong Minh Dịch : « tụy » là nhóm lại, « hoán » là tan ra. Ý nói nhờ ai cứu vãn tình thế cho dân trở lại hòa yên. Trong sách Hát giặm chép : « xin mau mau hồi tán » là sai, vì không nghe đọc bao giờ, mà nghĩa cũng không rõ.

26) Trai cò giằng nhau. Ý nói lương giáo đánh nhau, chỉ người ngoài được lợi.

27) Đừng nên lấy sự được thua mà bàn luận công việc của người anh hùng. Tác giả dùng câu này mà kết thúc là để ông Lê Ninh được vui lòng, không bắt lỗi vì những câu trách mắt ở trong chuyện mà tác giả đã đặt ra cho dân trong làng hát, đến nay còn nhiều người nhớ và cũng nhiều khi còn hát để kỷ niệm lại một đoạn lịch sử của làng vừa hàng trăng lại vừa bi ai.

BIA VĂN MIẾU

NHƯNG ÔNG NGHE TRIỀU LÊ

Số 93

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

17.— **Nguyễn-quang-Luận**, người làng Vạn-tự, huyện Gia-định (nay Gia-bình), phủ Thuận-an (nay Thuận-thành), trấn Kinh bắc (nay Bắc-ninh). Đỗ tam giáp khoa ất-sửu 1505. Làm quan đến Binh-bộ hữu-thị lang. Sau theo Mạc; Đăng-Dung sai sang Tàu cầu phong, chết giữa đường. Đăng-Dung truy tặng thượng-thư (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 111 b-112a; *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 3a).

18 — **Vũ-phúc-Kiêm**, người làng Nại-xuyên, huyện Kim-thành, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. Đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến đề hình giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 91 b; *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 3 b).

19. — **Nguyễn-Huyên**, người làng Binh-lư, huyện Thủy-đường, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. Năm 27 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến giám-sát ngự-sử. Sinh ra Nguyễn-Đạc, đỗ tam giáp khoa 1538 *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 94a; *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 4a).

20. — **Lê-doãn-Trấp**, người làng Phù-an, huyện Yên-phong, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến Binh-bộ tả-thị lang (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 4a). *Đăng khoa bị khảo* (q. Kinh-bắc, tờ 57 b) chép là Nguyễn-doãn-Trấp, làm quan đến tự-khanh.

21.— **Chu-tất-Thắng**, người làng Nam-hoa thượng, huyện Thanh-chương, phủ Đức-quang, tỉnh Nghệ an. Năm 18 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến Lại-bộ thượng-thư, nhập nội hành-khiển, tước Nghĩa quận-công; lúc mất, gia phong trung-đẳng phúc-thần, lập đền để cúng tế (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 4a). *Đăng khoa bị khảo* (q. Nghệ-an, tờ 24a) chép là Tống-tất-Thắng, có lẽ nhầm, vì chữ Chu chữ Tống hơi giống nhau.

22. — **Nguyễn-phu-Hựu**, người làng Sơn-đông, huyện Lập-thạch, phủ Tam-đái, tỉnh Sơn-tây. Năm 28 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến thượng-thư (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn tây, tờ 58 b; *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 4a).

23. — **Phạm-thuần-Nhân**, người làng Bì-đồ, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ tam giáp khoa 1505. Cuối đời Thống-nguyên (tức năm 1527) phụng mệnh đi sứ: Vừa đến cửa ải, thì Mạc Đăng-Dung tiếm ngôi, ông trở về. Làm quan đến tả-thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 15a). *Đăng khoa lục* (q. 2, tờ 4a) chép làm quan đến Hình-bộ hữu-thị-lang.

24. — **Nguyễn-tử-Mĩ**, người làng La-nội, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Năm 22 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến thừa-chỉ, coi việc viện Hàn-lâm, tước Nghĩa-sơn bá (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 5a; *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 4a).

25. — **Phạm-gia-Mô**, người làng Lê-xá, huyện Nghi-dương, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. Ba-mươi tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Năm canh-thìn (1520) hiệu Quang-thiệu thứ năm, thăng thượng-thư, tước Hoằng-lễ hầu. Vua Lê Chiêu-tông sai làm tán-lý quân-vụ cho Mạc Đăng-Dung. Vẫn việc ấy bộ *Khâm định Việt-sử* (chính-biên, q. 27, tờ 1 a-b), chép như sau này: « Mạc Đăng-Dung xin tổng binh-quyền để đánh dẹp giặc-giã. Lễ-bộ thượng-thư là Phạm-gia-Mô (nhân gia với Mạc Đăng-Dung) cho việc quân », nếu chia quyền ra năm phủ, thì Đăng-Dung làm không hết việc. Phạm-gia-Mô họp các quan để bảo-cử Đăng-Dung được tổng binh-quyền. Vua Lê Chiêu-tông bèn cho Đăng-Dung tiết-chế các dinh quân thủy quân bộ, cả mười ba đạo trong nước, mà cho Phạm-gia-Mô làm tán-lý quân-vụ. Từ bấy giờ những tinh-binh kiện-giáp (quân giỏi, áo giáp bền) đều về Đăng-Dung ». Dần dần Đăng-Dung lộng quyền, bắt vua Chiêu-tông ra ngoài kinh thành. Năm 1522, « tự chuyên việc chính-phạt, oai quyền càng ngày càng to, cho nên nhiều người theo. Phạm-gia-Mô coi giữ triều-chính, em rể là Hữu-đô-đốc Vũ-Hộ làm tổng-trấn Sơn-tây, thông nhau tin

tức để kết thành bè đảng. Thượng-thư là bọn Trình-chí-Sâm và Nguyễn-thời-Ung đều phụ theo Đăng-Dung tiến con gái nuôi sung làm tân-ngự để dòm-dỏ cách hành-động của vua Lê Chiêu-tông) sai em là Mạc-Quyết coi giữ quân túc-vệ, con là Đăng Doanh coi điện Kim-quang, tự lạm-dụng thuyền rồng lọng phượng, ra vào chỗ cung cấm, không kiêng sợ gì ai. Thự-vệ là Nguyễn-Cấu, đô-lực sĩ là Nguyễn-Thọ và Đàm-Cử, làm tâm phúc của vua, đều bị Đăng-Dung giết chết. Vua ngầm mưu với bọn nội-thần là Phạm-Hiến và Phạm-hứ, mộ binh để đánh. Trước sai người vào Tây-kinh (Thanh-hóa) mật dụ Trịnh Tuy đón làm thanh viện. Có một đêm tháng bảy ta năm 1522, vào khoảng canh hai, vua cùng bọn Phạm-Hiến Phạm-Thứ chạy ra xã Mộng-sơn (Sơn-tây). Hoàng thái-hậu và Hoàng-đệ Xuân đều không biết. Sáng hôm sau, Đăng-Dung mới biết, đem quân chặn các đường hiểm-yếu, sai bề đảng là Hoàng-duy-Nhạc đem quân đuổi theo, gặp vua ở Thạch-thất. Vua lấy quân Thạch-thất bắt Hoàng-duy-Nhạc giết chết. Đăng-Dung bèn cùng thái-sư Lương quốc-công là Lê-Phụ, Mĩ quận công là Lê Chù, Cẩm-sơn-hầu là Lê-thúc-Hựu và bọn Phạm-gia Mô, Dương-kim Biểu, mưu lập Hoàng-đệ Xuân. Nhưng sợ vua Chiêu tông ở ngoài hiệu triệu quân thiên-hạ, không dám giữ kinh-thành, sai người trong đảng là Vũ-Hộ đóng đồn ở Bắc-giang, và dời Hoàng-đệ Xuân đến huyện Gia-phúc ở Hải-dương, đắp lũy ở Cẩm-giàng để tự phòng thủ » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 27, tờ 3a-4b). Đến cuối đời Thống-nguyên (1527) Phạm-gia-Mô tán thành việc Đăng Dung cướp ngôi. Triều-đình nhà Mạc tôn làm bực thầy. Dần dần làm quan đến Khai phủ bình-chương quân-quốc trọng sự, thái-sư, Hải quốc-công. Nguyên tổ-quán ở xã Quỳnh khê, huyện Kim-thành. Là cháu nội Phạm-Cao, đỗ nhị giáp khoa 1487; châu xa Phạm-Mại đời Trần (*Đăng khoa bị khảo*, q Hải-dương, tờ 86b; *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 4a).

26. — **Nguyễn-đạt-Minh**, người làng Hoàn-nội, huyện Chương đức, phủ Ứng thiên, trấn Sơn nam Đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến Lễ-bộ thượng thư, tước bá (*Đăng khoa bị khảo*, q Sơn-nam, tờ 49b; *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 4b)

27. — **Vũ nhất-Chi**, người làng Cam-lộ, huyện Giáp-sơn, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải dương. Đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến Hàn-lâm-viện hiệu-thảo (kiểm thảo) (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 4b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 96a).

28. — **Nguyễn-khắc-Hài**, người làng Thượng-cốc, huyện Trảng-tân (Gia-lộc), phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến tham chính (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 4b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải dương, tờ 87b).

29. — **Nguyễn-văn-Oánh**, người làng Vĩnh mộ, huyện Sơn-vi, phủ Quảng oai, tỉnh Sơn-tây. Năm 23 tuổi, đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến tham-chưởng Hàn-lâm viện-sự (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 4b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn tây, tờ 78b).

30 — **Đỗ-văn-Trung**, người làng Vĩnh-trung (An trung) huyện Thanh đàm (Thanh-trì), phủ Thường tín, trấn Sơn-nam. Đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 4b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn nam, tờ 6a).

31. — **Nguyễn-hiếu-Tư**, người làng Bình-sơn, huyện Đông ngàn, trấn Kinh bắc. Năm 47 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505 Làm quan đến Quốc tử giám tư-nghiệp (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 4b).

32. — **Nguyễn-nhân Hiếu**, người làng Đan hiệu (Chảo nha) huyện Thạch hà, tỉnh Nghệ an Năm 26 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến giám sát ngự sử (*Đăng khoa lục*, q 2, tờ 4b). *Đăng khoa bị khảo* (q. Nghệ an, tờ 48b) chép là Nguyễn-tử Hiếu.

33 — **Nguyễn-Tư**, người làng Đông lỗ, huyện Sơn minh, phủ Ứng thiên, trấn Sơn-nam Năm 26 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505 Làm quan đến hiến sát sứ (*Đăng khoa lục*, q 2, tờ 4b, *Đăng khoa bị khảo* q. Sơn nam, tờ 57b).

34. — **Nguyễn-văn-Vận** người làng Ngọc trục, huyện Cẩm giàng, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ tam giáp khoa 1505. Năm đinh-sửu (1517) hiệu Quảng-thiện, thăng thừa

(*Xem tiếp trang 21*

Tourane ở Sài-gòn

(Tiếp theo trang 8)

chánh (tứ chiếng); bởi qui-tập người lưu-lạc bốn phương lại thành làng-mạc, không phải tổ-phụ là chính người nối đời ở đó». 俗稱四方之人曰四正蓋歸集四方流散人爲村非祖父土著也 Họ ở đông thành làng riêng nên về buổi đầu Minh-mạng, Gia định-thành (cả Nam kỳ) đã có năm Tứ-chánh thôn và tám Tứ-chánh-điếm.

Trịnh-hoài Đức lại bảo chữ *chánh* tả chánh hữu văn là sai, phải viết chữ *chánh* là ngay thẳng. Đúng như thế, trong *Từ-Nguyên* thì không có, còn trong *Từ-Hải* thì giải «tứ chánh là *cơ-bản phương vị*» (mà «cơ bản phương vị là đông, tây, nam, bắc»

Nay nói «dân tứ-chánh» thì ít người biết, nhưng nếu nói ba tiếng «dân tứ-chiếng» thì chẳng mấy ai chẳng hiểu là dân tứ xứ nhóm gom chớ không phải trưởng thành tại chỗ.

***

Sau rốt, tôi ngờ *Việt-Nam tự-điển* giải nghĩa sai chữ «vạn» là «làng bọn thuyền chài: vạn chài, vạn lưới», cũng như đã giải «Cần-thơ là tên một tỉnh trong Nam kỳ, trước gọi Cần-giờ».

Các ông Génibrel, Huê hay Cordier đều dịch chữ «vạn» là «troupe, corporation, syndicat...» (như vạn đò, vạn xe, vạn buôn, vạn cấy, trùm vạn...)

Còn giải ra tiếng Nam thì Paulus Của nói: «Vạn = một phường, một hội!» (như vạn đò, vạn chài...)

***

Đã ba giờ sáng rồi. Kìa, các bạn lắng tai nghe tiếng còi thánh-thót của người làm đầu *vạn cuốc khoai* ở cách nhà tôi độ ba cây số-ngàn. Ảnh (anh ấy) thổi còi cho người trong vạn ảnh thức dậy nấu cơm ăn rồi ra đồng. Vạn ảnh là một nhóm người kết thành đoàn. Người muốn nhập đoàn chỉ phải sắm một cái cuốc. Họ cuốc vần công cho nhau (nay cuốc phần của người nầy, mai cuốc phần của người kia *trong đoàn*), chừng nào xong cho người trong vạn thì vạn-trưởng đi lãnh cuốc mướn cho người ngoài vạn. Họ lại tận tâm giúp đỡ nhau trong khi có đám cưới, đám ma hay trong cơn bịnh-hoạn. Chừng mãn mùa, họ xuất tiền chung mua heo cúng bà Chúa Xứ, cúng ông Thần-nông, cúng cái cồi, rồi cùng nhau chè-chén.

LÊ-THỌ-XUÂN

ĐỌC SÁCH

I — *Lên cung trăng* — bản dịch tác phẩm Jules Verne của Trúc-Quỳnh — do thư-xã A. de Rhodes xuất bản.

Thử hỏi các bạn trẻ khi còn ngồi ghế nhà trường ai không thích đọc J. Verne, đọc những lúc bài học đã thuộc bài, làm đã xong hay trong các ngày nghỉ.

Thế kỷ thứ XX là thời kỳ khoa học toàn thịnh, nào chế tạo cơ khí, nào máy móc, lại trong thế giới chiến tranh này khoa-học là thứ khí giới vô-cùng khủng-khiếp.

Ông Trúc-Quỳnh đã khéo đem cuốn J. Verne ra dịch mà dịch truyện «Lên cung trăng» chứ không phải truyện «ở mặt đất».

Nghe tên sách các bạn tưởng đây lại truyện Đường minh Hoàng bay «Lên cung trăng», ngày trước, rồi về bắt chế ra điệu múa Nghê thường để làm vui lòng ái-phi họ Dương; không, truyện «cung trăng» của J. Verne có tính cách khoa học — Thiên văn học — là một truyện lý thú đọc đến ai cũng phải thích. Xin mừng ô. Trúc-Quỳnh đã cho ra bản dịch công phu và xin vui lòng giới thiệu cùng độc giả.

II — *E. De Amicis — Lòng vàng* (giáo dục bằng tình cảm) bản dịch của Hải-Hạc do Quảng-văn-Thành phát hành.

Từ lúc còn ngồi ghế nhà trường ai không nhớ đến những đoạn văn nhiều ý nghĩa và luân lý của E. De Amicis.

Những đoạn văn ấy chỉ là trích ở cuốn (lòng vàng) đã được phiên dịch ra nhiều thứ tiếng.

Dịch giả trong bài tựa có nói là theo bản dịch của dịch giả Trung Hoa Hạ-cai-Tôn; trong hơn 300 trang đã thuật lại cả cuốn sách, khiến người đọc có cái cảm tưởng như học một bài luân lý, nhưng học qua những câu truyện thú vị và cảm động.

Chớ phát hành bản dịch này

ĐÃ CÓ BÁN

Khảo cứu về tiếng Việt-nam	của Trà-Ngân	*Giá* : 2$50
BƯỚC ĐƯỜNG MỚI	Truyện dài lý-tưởng của Dương-Ngà	— 3, 60
KIM-TỰ-THÁP	của Phan-Quang-Định	— 2, 00
NỬA ĐÊM	Truyện thôn quê của Nam-Cao	— 2, 00
MỘT MỐI TÌNH	của Phạm-Huy Toại	— 3, 00
GIẤC MƠ PHỐ MA	Sách Hoa-Mai của Vị-Hồ	— 0, 20
PHÁCH BƯỚM HỒN HOA	Sách hoa-Mai của Thế-hưng	— 0, 30
BẢY BÔNG LÚA LÉP	Sách Hoa-Mai của Nam-Cao	— 0, 50
HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG	Sách Hoa-Mai của Tiêu-Lang	— 0, 50

NHÀ XUẤT-BẢN CỘNG-LỰC

N° 9 Rue Takou — Hanoi

nhà Quảng-vạn-Thành đã giúp việc giáo dục ở nhà trường; ngoài những giờ học các bạn trẻ có thể vừa làm câu truyện giải trí, vừa suy nghĩ mà sửa mình.

Cuốn sách này thật có ích cho giáo dục thanh-niên, tôi xin thành thực mừng dịch giả và vui lòng giới thiệu với bạn đọc tạp chí.

III. — *Truyện Rừng xanh* (phỏng thuật theo truyện Rừng rậm) của Phạm xuân Độ do Thư xã Alexandre de Rhodes ấn hành.

Ông Phạm xuân Độ đã lấy cốt truyện của Kiplinh đặt vào sử ta để phỏng thuật chuyện « Rừng rậm » (le livre de la Jungle)

Ông đã dụng tâm làm thành một câu chuyện « bản sứ », để đem cái hay, cái vui cái đẹp, của Kipling làm một tác phẩm Việt-nam, bạn trẻ đọc chắc sẽ nhận thấy cái công phu của dịch giả. Chỉ cần rằng các bạn biết phân biệt đây là một truyện phỏng theo Kipling chứ không phải nguyên văn của tác giả.

Thuật câu truyện « rừng » này, biết đâu dịch giả không có ý phá nghĩa câu « Đông phương và Tây phương không gặp nhau » vì Đông tây đã gặp nhau trong tác-phẩm của ông Độ.

Xin mừng dịch giả và giới thiệu cùng các bạn trẻ cuốn « Truyện Rừng xanh ».

TIÊN-ĐÀM

. . . Chuyện Tấm, Cám

(Tiếp theo trang 3)

ngồi khóc. Phật lại hiện đến bảo nhặt xương Bống, hóa là bốn phần, chôn ở dưới bốn chân giường.

Đến bấy giờ Xa-giá nhà vua trảy đến. Người làng xóm khéo cử nam hay nữ thảy đều đua rủ nhau sắm-sanh trang sức đi xem. Cô Tấm và mẹ Cám cũng đều đi xem cả.

Tấm ở nhà, riêng lủi thủi, lại khóc lóc, đau-đớn. Phật bèn hiện lên, bảo đào chỗ chôn xương cá: được đủ bốt cả quần áo và nội trang sức. Tấm ăn-mặc trang điểm xong, bèn đi xem; trông nàng đẹp như tiên sa.

Thình-lình mưa đổ ai nấy chạy mưa. Nàng cũng chạy lánh đánh rơi một chiếc hài.

Khi Ngự-giá đi qua, nhặt được chiếc hài ấy, so với đồ trang sức trong cung, thì thấy không có hàn hài nào sánh kịp, vua cho đó là một của từ trời rơi xuống bèn ban chiếu bảo hết thảy những người đi xem đều đến thử hài. Hễ ai đi vừa và có chiếc nữa giống thế thì được phong làm cung phi.

Người ta đua nhau đến thử, nhưng chẳng một ai đi vừa và không ai có của giống cả. Kịp Tấm đến thử thì đi vừa xinh và giống như in. Vua thấy vậy, mừng lắm . . . »

***

Chuyện Tấm Cám mà tôi đã thuật theo trong sử chữ nho trên đây cũng giống giống với chuyện « Cendrillon ou la petite pantoufle de verre » của Perrault tiên sinh mà ông Nguyễn văn Vĩnh đã dịch là « Chuyện con Lọ-Lem hay là chuyện chiếc giầy lót da sóc ».

Có điều đáng chú ý là chuyện *Tấm Cám* của ta có vẻ đẹp hơn chuyện *Con Lọ-Lem*. Đẹp vì hợp với tâm lý và tín ngưỡng của đại chúng. Mà cốt chuyện của ta lại có nhiều chỗ hợp lý hơn của Tây.

1) Vì cha mẹ chết, phải ở với dì ghẻ, nên Tấm mới bị những sự ngược đãi, hành hạ của mẹ ghẻ. Điểm này khác với chuyện *con Lọ Lem*: cha hãy còn sống, thế mà Lọ Lem không dám phàn nàn với cha;

2) Cuộc đi xem hội vua trảy thú hơn chuyện Lọ Lem đi dự lễ nhảy đầm của một ông Hoàng;

3) Vì mưa chạy vội mà đánh rơi hài có lý hơn vì sợ quá 12 giờ là giờ Tiên đã giao hẹn, mà phải vội chạy đi, để rớt lại một chiếc giầy lót da sóc.

Ấy trong kho đã sử và đồng thoại của ta có nhiều câu truyện hay hay, có khi trội hơn cả chuyện nhi-đồng của ngoại quốc, đại khái là thế. Nếu các nhà văn ta nay biết nhận thấy những lẽ hữu quý bấy nhiêu mà viết lại thành những câu chuyện hứng-thú cho trẻ con, tưởng cũng là việc nên gắng làm lắm.

HOA-ĐÀNG

Sách giá trị

Những sự gặp gỡ của **ĐÔNG PHƯƠNG và TÂY PHƯƠNG** *của VŨ BỘI LIỆU* Giá 6$00

HÁT DẶM NGHỆ TĨNH *của NGUYỄN ĐỔNG CHI* Giá 8$00

THƠ ĐỖ PHỦ *Bản dịch của NHƯỢNG TỐNG* Giá 11$50

Nên đọc

NGHÌN LẺ MỘT NGÀY (một quyển trọn bộ)

Bản dịch của MAI KHÁNH Giá 5$00

Sắp phát hành

SỬ KÝ TƯ MÃ THIÊN

Bản dịch của NHƯỢNG TỐNG

VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LƯỢC của MẬT THỂ

(giáo sư trường Sơn Môn Phật học Huế)

Tựa của ông Trần văn Giáp (trường Viễn đông Bác cổ Hanoi)

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

TRƯƠNG-HÁN-SIÊU

(?-1354)

Số 2 NHẬT-NHAN

Ngoài ra Trương Hán-Siêu còn viết nhiều hạ bả g bằng hán, như đã chép trong các tập *Quốc-Hiến phủ tập* *Toàn việt thi-lục* *Hoàng việt văn tuyển*, vân vân...

Hiện còn lại 7 bài thơ cận thể,

Quá tong đô

Giục-thủy sơn khắc thạ h

Hóa châu lâu

Cúc hoa bách vịnh (bốn bài)

Và bài *Bạch đằng giang phú* là một áng văn hùng-vĩ đáng lưu-truyền muôn thủa.

Sông Bạ h-đằ g p ân-địa-giới hai tỉnh Quảng-yên và Kiến-an-rộng và sâu, xưa người Tàu thường do con sô g này mà đem binh thuyền sang đánh nước ta. Vì vậy trên mặt sông đã từng có nhiều trận huyết-chiến giữa quân Tàu và quân ta. năm 938, vua Ngô-Quyền đánh nhau với quân Hoằng-Thao là con vua Nam Hán, và phá tan thuyền giặc trên sông Bạch-đằng. Cũng trên mặt sông này, năm 1288 quân Mông-cổ đã bị đức Trần-Hưng-Đạo làm cho tiêu-diệt.

Trương-Hán-Siêu nhân ra chơi sông Bạch đằng, tưởng đến cái chiến công oanh-liệt của tiền nhân, nhân cảm-xúc nghĩ ra bài phú sông Bạ h-đằng bằng chữ hán, còn truyền-tụng tới ngày nay. Vậy xin sao lục bản dịch ra quốc-văn dưới đây để độc-giả nhẩn lãm:

Bài phú sông Bạch Đằng

« Khách có kỏ: Thèo bè bơi giăng buồm mây giong gió, sớm ngọn Tương (1) kia, chiều hang Vũ (2) nọ, vùng vẫy Giang Hồ, tiêu-dao Ngô, Sở (3), đi cho biết đây, đi cho biết đó. Chẩm Vân mộng (4) chứa ở trong kho tư tưởng, đã b ết bao nhiêu, mà cái chí-khí tứ phương, vẫn còn hăm hở?

Mới học thói Tử Trường (5), bốn bề ngao du: Qua cửa Đại-than (6), sang bến Đông-triều, đến sông Bạch-đằng. đủng-đỉnh phiếm chu. Trắng xóa sóng kênh muôn dặm, xanh rì rặng ác một màu; nước trời lộn sắc, phong-cảnh vừa thu; ngàn lau quạnh cối, bến lách đìu-hiu. Gáo gậy đầy sông, cốt khô đầy gò Ngậm ngùi đứng lặng, ngẫm cuộc phù-du. Thương kẻ anh-hùng đâu vắng tả, mà đây dấu vết vẫn còn lưu!

« Kìa kìa bên sông phụ-lão người đâu; lượng trong bụng ta, chừng có sở-cầu.

« Hoặc gậy chống trước, hoặc thuyền bơi sau, vái ta mà thưa rằng: Đây là chỗ chiến-địa của vua Trần bắt giặc Nguyên, và là nơi cố-châu của vua Ngô phá quân Lưu dấy (7).

« Đương khi: muôn đội thuyền bày, hai quân giáo chỉ. Gươm tuốt sáng lòe, cờ bay đỏ khét! Tướng Bắc, quân Nam, đôi bên đối lũng. Đã nổi giỏ mà bay mây, lại kinh thiên mà động địa. Kìa Nam-Hán độ mưu sâu, nọ Hồ nguyên so sức khỏe. Nó bảo rằng: phen này đẹp đồ cõi Nam, tưởng chừng cũng...!

« May sao: trời giúp quân ta, mây tan trận nỏ, khác nào như quân Tào-Tháo bị vỡ ở sông Xích-bích khi xưa, giặc Phù-kiên bị tan ở bến Hợp-phì (8) thủa nọ. Ấy cái nhục tây trời của họ, há những một thời? mà cái công tái-tạo của ta, lưu danh thiên-cổ.

« Tuy vậy, từ thủa cổ trời, có đất vẫn có giang-sơn. Trời đặt ra nơi hiểm-trở, người tính lấy cuộc tồn-an. Hội nào bằng hội Mạnh-tân (9), như vương-sự họ Lã (10); trận nào bằng trận Duy-thủy ư quốc-sĩ Lọ Hàn (11). Kìa trận Bạch-đằng này mà đại thắng, bởi chúng Đại-vương coi thế giặc-nhân. Tiếng thơm còn mãi, bia miệng bao mòn. Nhớ ai sa giọt lệ, hồ minh với nước non!

« Rồi vừa đi, vừa hát rằng:

Sông Đằng một dải dài ghê!
Luồng lo, sóng nhớn dồn về bể Đông.

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
1p00 một vé

Trời nam sinh kẻ anh-hùng,
Tăm kênh yên lặng, non sông vững vàng.

« Khách lại nối mà bát rằng:

Vua Trần hại vị thánh-quân (Thái Tôn và Nhân Tôn),
Sông kia còn dấu tầy trần giáp binh.
Nghìn xưa gẫm cuộc thăng-bình,
Tới đấu đất hiểm, bởi mình đức cao »

Bản dịch của Nguyễn-hữu-Tiến (Nam phong tạp-chí quyển thứ XIV, trang 470-472).

Ngoài những thơ văn chữ hán kể trên, Trương-Hán-Siêu không viết một bài văn nôm nào cả, chỉ chuyên viết hán-văn.

Sau khi đã được Phật-giáo cảm-hóa, đổi thiên-kiến bài Phật ra sùng Phật, ông thường lui tới cảnh Linh-tế tháp, Linh-quang động, mà thường tham thuyền tại nhiều nơi như chùa Bàn-long, Địch-lệng, Vân-trình, Bích-động. Những chỗ tùng lâm ấy đều có vết đăng-lâm của ông.

Ông mến cảnh Dục-Thúy, có sơn thủy hữu tình, làm nhà trên núi ẩn-cư, có đề thơ rằng:

« Sơn sắc chính y y,
Du nhân hồ bất quy !
Trùng lưu quang tháp ảnh,
Thượng giới khải nham phi.
Phù thế như kim biệt (12),
Nhân thân ngộ tác phi.
Ngũ hồ thiên địa khoát,
Hảo phòng điếu ngư kỳ. »

Dịch:

Sắc non xanh tốt như kia,
Khách du sao chẳng liệu về cho nhanh. (13)
Giữa giòng bóng tháp long-lanh,
Lưng trời đá hé rành rành miệng hang.
Cuộc đời giấc mộng hoàng-lương,
Thân nhàn mới rõ bước đường kẻ xưa.
Mông-mênh trời ai Ngũ hồ,
Ưa thăm tắm đã điếu-đồ ngồi câu.

Hiện nay, còn di-tích ông chăn dê trên núi Cánh diều là một chốn danh-lam tỉnh Ninh-bình.

Sau khi ông mất đi, di-hài ông được đưa về quê ở làng Phúc-am là một làng phụ cận ngay châu thành Ninh-bình. Ngày nay, còn đền thờ và còn lăng bia ngay tại Phúc-am.

NHẬT-NHAM

---

1) *Ngọn Tương: sông Tương chảy qua tỉnh Hà nam đổ vào hồ Động đình*

2) *Hang Vũ: Vua Đại-Vũ đi tuần mất ở núi Cối-kê, chôn ở đấy. Vì vậy cái giếng sâu cạnh đấy gọi là Vũ-huyệt (hang Vũ).*

3) *Ngô-Sở: hai nước chư-hầu đời Xuân-thu.*

4) *Chàm Vân - Mộng: thuộc tỉnh Hồ-bắc.*

5) *Tư - trường: tên hiệu Tư-mã Thiên, sử-gia đời Hán, đã du lịch nhiều nơi.*

6) *Đại-than: xã Đại than thuộc huyện Gia-bình tỉnh Bắc-ninh.*

7) *Vua Ngô - Quyền phá quân Hoằng-Thao (tả con vua Nam Hán Lưu-Cung) trên sông Bạch-đằng.*

8) *Phù - Kiên nước Tần đánh nhau với nhà Tấn, bị thua trận bên Hợp-phì.*

9) *Bến Mạnh tân ở phía nam huyện Mạnh tỉnh Hà nam là nơi vua Vũ vương nhà Chu xưa họp chư-hầu để đánh vua Trụ.*

10) *Lã-thượng là vương-sư giúp Vũ vương đánh vua Trụ.*

11) *Sông Duy Thủy thuộc tỉnh Sơn-đông. Hàn Tín giúp vua Hán Cao Tổ đánh Hạng Vũ, thắng trận trên sông Duy-thủy.*

12) *H. B. chú — Có bản chép là « Phù thế tri kim thị.»*

13) *H. B chú — Có bản chép là « cận ngư kỳ.»*

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 7)

nhân-dân lầu tán, ngày một đông tàn. Đến năm canh-thìn (968) nhà Đinh nhất thống, dựng kinh đô ở Trường-an (tức Hoa lư). Nhân-dân vùng Thanh-đàm lại được an-cư lạc nghiệp, người ta nhớ công-đức Nguyễn-Siêu, lập từ-đường ở bến sông gần chợ xã Đông-phù-liệt để thờ cúng. Phàm thuyền bè đi qua địa phương ấy và nhân dân tật bệnh thường đến cầu khấn đều được linh nghiệm, nhân thế gọi là « cảm ứng linh-thần ».

Sau đời Đinh, Lê-Hoàn đi đánh Tống; đời Lý, Trần đi đánh Chiêm-thành, tướng-quân Nguyễn Siêu đều có âm phù cho nên mỗi khi thành công, đều có phong sắc (lược dịch thần-tích xã Văn-uyên và xã Đông phù liệt, thuộc huyện Thanh trì). *(Còn nữa)*

Ứng-hòa NGUYỄN VĂN-TỐ

ĐÃ CÓ BÁN

HOA MỘNG

của *TƯỜNG VÂN*

1) *Thơ làm* (có nhiều bài đặc-sắc, thi-cu, từ khúc v.v.)
2) *Thơ dịch* (có mấy bài đường-thơ viết bằng bút lông rất tài)
3) *Thơ dịch Pháp văn* (lựa những bài tuyệt - tác của *Lamartine Victor Hugo, Alf de Musset, Baudelaire, Verlaine S. Prud' homme, Régnier, Maeterlinck, Clesse de Noailles,* v.v.

Ông Nguyễn-triệu-Lu ất riêng chú-ý đến phần này mới khen dịch-giả (xem *Tao Đàn* số 13 1939) có tài việt - hóa văn-chương Pháp như bà Nguyễn-Điểm (dịch Chinh-phụ-Ngâm) có tài việt-hóa Văn-chương Pháp

Ai muốn xem bài này xin gửi tem 0$10 cho Kiosque Thanh Tao-Vinh.

Hỏi « Hoa-Mộng » ở các hiệu sách lớn.

BỐN NĂM TRÊN ĐẢO CÁC-BA

Số 3

của VÂN-ĐÀI

Tiện đây, tôi xin cải chính một điều nhầm : xưa nay, người Nam ta vẫn tưởng các bải sản như mực Bắc-hải, bào-ngư, hải sâm, vây cá là những thực phẩm ở bên Tàn đem sang. Trái lại, ở đây tôi thấy rằng: Tất cả các bải vị quí hóa đều xuất sản ở Các-bà, Côto (Coutow), Bạch-long-vỹ. Kể-bao là những cù-lao miền Nam-hải của ta, chẳng qua do bọn khách-trú cầm quyền «thao túng» đó thôi.

Ngoài số người trải lưới, và tiều phu gần cửa Các-ba, còn hai làng Việt-nam là làng Tân-châu và Xuân-đám. Dân cư độ vài nghìn người.

Trèo qua nhiều ngọn đồi gập ghềnh, lên vào những con đường độc đạo. Làng Tân-châu và Xuân-đám là một cõi riêng, gần như một thế giới khác. Người ở đây sống biệt lập, và vẫn giữ được căn bản người Việt-nam. Đến đấy, ta có một cảm tưởng như sống trong một thế hệ cũ, vì người và cảnh vẫn có một vẻ mộc-mạc thời xưa. Mười năm về trước, trong lúc các nơi đã bỏ nghề nuôi tằm, dệt lụa, ở đây cũng vẫn có những bất đâu, những khung cửi, những cô gái mặc váy đũi, yếm cổ xẻ và những ông già bạc đầu chống gậy trúc, mặc áo lụa mộc, chiều chiều đi ngắm cảnh dưới tà-dương...

Những cây cổ thụ to, tàn lá xanh sòe kín làm cho các đường đi trong làng lúc nào cũng có vẻ êm mát, dù trong mùa hè gay gắt. Những nhà lá rộng rãi, đặt trong các thửa vườn vuông vắn, mới trông chỉ thấy một màu xanh mượt của đám lá chuối non, dàn bầu nặng trĩu quả. Có nhà thỉnh thoảng đưa ra những tiếng đều-đặn của chiếc khung cửi dệt lụa, do cô gái có đôi má hồng mơn-mởn đương dẻo tay đưa thoi.

« Khỏe mạnh » và « mộc mạc », hai tiếng ấy có thể nói về tất cả đờn ông, đờn bà ở hai làng này. Họ có một thân-thể rất đều đặn và màu da rất hồng hào. Họ không hề biết qua sự bão lụt, sự đói kém ở các nơi. Họ không bao giờ trông thấy người gầy còm vì đói, vì rét. Họ không giầu nhưng đầy đủ. Trên các triền đồi, họ trồng ngô, khoai, cấy lúa ; ngoài nương, họ trồng đâu, trồng bông. Thức ăn họ đã có cá khô, rau quả...

Hỏi đến Hà-nội, Hải-phòng, họ tưởng là một thế-giới nào ở đâu xa lạ. Thậm chí tỉnh Quảng-yên, là một tỉnh mà chính hai làng ấy thuộc dưới quyền quản-trị, cũng còn có người cả đời chưa đi tới. Mà họ cần đi tới để làm gì ?

Tục lệ hương-thôn của họ rất giản dị, họ làm gì có những đám khao to, vọng lớn như dưới kia. Cả hai làng có ai đi học, may ra được ít người biết quốc ngữ, biết cũng không làm gì ! Nơi cả năm không một tờ báo lạc tới và cả đời không ai gởi một lá thư thăm ai !

Họ không bao giờ có sự gian dối dối với nhau, không tham của nhau con gà, cái trứng, không bao giờ kiện nhau, và nếu thỉnh thoảng họ không ra bến Các-ba mua muối, có lẽ ngoài « thế-giới » riêng của họ ra, họ không cần có ai nữa.

***

Tay lai

Cái tên lạ lạ ấy không hiểu vì sao lại là tên một đồng điền ở ngoài bải đảo này. Cách Cac-ba độ năm hay sáu cây số, người ta phải đi thuyền ra để tìm cái sào huyệt ấy. Đây là chính đồn-ải của giặc tàu ô, chiếm cứ từ đời Hồng-đức, triều đình đã nhiều lần cho quan quân đi dẹp nhưng không sao tìm được căn cứ của họ.

Từ cửa Cac-ba đi thuyền ra, len lỏi qua nhiều khe nước rồi ra cửa-cái, khỏi cửa-cái và Tay-lai.

Đã nói Tay-lai là một sào huyệt của giặc, vậy nếu không có người đưa vào, mắt người khách đi du ngoạn không bao giờ có thể tìm đến nơi ấy được.

Chung quanh những dải núi xanh xanh bao bọc, những dòng nước biếc như rêu và phẳng-lặng như một tấm lụa mới căng. Những con vượn bạc đầu đương sáu nhau truyền cành này sang cành khác. Vài đôi hải-âu đương sải cánh bay cao. Người khách trèo thuyền đã ngừng tay chèo lại, rồi sẽ đưa chiếc thuyền áp vào chân núi. Hắn ta vạch lau, rẽ lá, tìm vào một cửa hang con con, dáng cửa như một vòng bán nguyệt.

Hắn ta vội vàng nhảy xuống nước với một tiếng : « Đây rồi !... »

Rồi hắn ta đẩy thuyền vào khe nước ấy.

Trong khe tối om và lạnh. Nước vừa tới ngực hắn ta và thuyền chúng tôi vẫn cứ theo tay của hắn ta đẩy vào bóng tối.

Tôi mở mắt chỉ thấy chút ánh sáng lờ-mờ và nước thì đen như một thứ mực có lẫn nước đá. Mười phút

thuyền ra khỏi hang tối và vào lối đất. Ở đây mở ra một cảnh rừng đầy cây cao và lạ có dải suối nước trong chảy chạy dài theo đọc lối đi, có cầu bắc qua dải suối. Tôi tưởng đến một cảnh Đào-nguyên hay một hang Tù Thức, nhưng đây không có bóng người...

Rừng cây dài chừng vài trăm thước. Qua rừng cây đến một thửa ruộng độ năm sáu trăm mẫu bao bọc chung quanh toàn là núi. Đất ruộng có vẻ phì nhiêu lắm. Khắp ruộng lau mọc đều. Đương lúc mùa thu, hoa lau trắng xóa mặt ruộng. Mỗi cơn gió qua bàng ngàn hoa lau tơi-bời, lả-lướt, như lá sóng biển.

Người khách đưa đường nói: « Những ruộng này chính bọn giặc tàu ô khai phá từ xưa. Bây giờ tuy bỏ không, nhưng hàng năm cũng vẫn có bọn khách bên Tàu sang, làm ruộng, làm gỗ đóng thuyền ở đấy.

Một đồn điền màu mỡ tốt như thế. Hằng năm có thể sản xuất bao nhiêu thóc gạo. Nhưng đối với người Nam ta, mấy ai nghĩ đến mối lợi ấy? Mấy ai chịu đi xa sôi, nơi chân trời mặt bể?

(Còn nữa)

Bà VÂN-ĐÀI

Quyển Văn-mới

(Tiếp theo trang 19)

tại nhà Minh: như thế thì chẳng thể với kinh-tế không đổi nhau, mà lại ra ngoài không « trung độ ». Nhiều câu thật-thà quá như câu « đồ sành, đồ đồng phần nhiều dùng để lễ lễ và đựng ức ấn » (ở trang 163); nhiều câu quá đáng, như câu: « đến thời Chiến Quốc (481-121, hình là 484 221)... gây ra những quy tụ giai cấp mới làm đảo lộn cả xã hội » (ở trang 164)!

Nếu lấy từng trang, dẫn hết chỗ sai lầm, thì dài lắm: tôi chỉ nói qua mấy câu ấy làm thí dụ, để độc-giả đừng quá tin lời ông Bách Khoa, và để ông Khoa soạn quyển dưới cho kỹ hơn.

Dưới quyển này, *Văn mới* đăng mục « tạp trở » chỉ có mấy câu mà câu nào cũng trái quấy, lại bịa ra để gièm-pha, nhưng không biết lối chép sử, thành ra nói vu-vơ: tôi đã vạch rõ ở kỳ trước; nếu *Văn mới* không tự sửa lại, *Văn mới* sẽ làm mất giá-trị của *Văn mới*, mà cái tiếng « Văn mới » rồi hóa ra một tiếng để khôi-hài.

Ông-hóa NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Nghè triều Lê

(Tiếp theo trang 15)

chánh-sứ trấn Kinh-bắc. Lúc bấy giờ Mạc Đăng-Dung lộng quyền bắt ép vua Chiêu tông về Thanh hóa để bảy tôi nhà Lê theo Mạc rất nhiều, chỉ một mình ông không chịu thờ kẻ nghịch mà theo vua Chiêu-tông vào Thanh-hoa. Sau đánh nhau với Mạc, tử trận. Đến đời trung-hưng (1548-1554) khen ông là bậc nghĩa truy tặng thị lang (*Đăng khoa bị khảo* q Hải dương tờ 30 b; *Đăng khoa lục*, q 2, tờ 5 a).

35. — Nguyễn duy-Thốc người làng Côn-chấm, huyện Nông-cống, phủ Tĩnh gia tỉnh Thanh hóa. Năm 22 tuổi đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến thị-lang. Khi có loạn Trần Tuấn (năm 1511), người trong kinh đô đều chạy tản loạn. Vua Lê Tương dực sai ông cùng Lê đình Chí làm án-sát sứ: ông bèn đem vợ con trốn trước, vua giận lắm, bắt tội chết (*Đăng khoa bị khảo*, q. Thanh hóa, tờ 40 a; *Đăng khoa lục*, q 2, tờ 5 a).

36 — Nguyễn kinh-Tuân, người làng Nghĩa vũ, huyện Giáp sơn, phủ Kinh môn, tỉnh Hải-dương. Đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, q Hải-dương, tờ 96 b). *Đăng khoa lục* (q. 2 tờ 5 a) chép làm đến chánh đoán sự. (*Còn nữa*)

Ông hóa NGUYỄN-VĂN-TỐ

2e édition

CENT RÉDACTIONS CORRIGÉES AU CERTIFICAT D'ÉTUDES COMPLÉMENTAIRES INDOCHINOISES

par MM. Trần-Huy Cơ et Ng-Huy Hoàng, Instituteurs

(Ouvrage adopté par la Commission des manuels scolaires)

Prix 2$00 — Port recommandé 0$32

Librairie Đông-Tây, 195 Rue du Coton — Hanoi

Cải chính

Tri-Tân số 155, bài Trương Hán Siêu trang 11 cột 2 ... trích dịch... xin đọc là 3 sao lục bản dịch...

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân tổng An-Tư công-chúa vu Thoát-Hoan, đục thư quốc nan dã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫu thân

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Số 9

Vua còn đứng trong thuyền nhìn lên bờ sông, đưa mắt chung quanh bến nước, chỗ nào cũng là những con mắt êm đềm, chứa chan thiện cảm mà hồn nhiên ngơ ngác biết bao! Họ im lìm, không biết tỏ lòng trung thành đối với quân vương bằng cách gì hơn. Ông già gù trống gậy dắt trẻ bà lão cõng cháu, những thiếu phụ ôm con, họ chỉ cho lũ hài nhi ông vua thân mến. Và đẹp biết bao những con mắt trẻ trố ra, long lanh tìm kiếm, ngón tay xinh xinh, theo tay người nhớn trỏ về phía thuyền vua. Cũng có đứa lấy làm thích, nhảy nhót vui mừng, lại có ông lão ghé vào tai cháu nói thầm. Đứa trẻ cất tiếng se sẽ trong trong, hô! « Vạn tuế! »

Trước sự phát biểu chân thành ấy, vua dừng dằng mãi, mới truyền lệnh nhổ sào. Họ vẫn đăm đăm nhìn theo lo ngại cho vua, vì chiếc thuyền bất trắc, mong manh; Tuy vậy, thấy bên cạnh đấng thiên tử có một vị thân vương uy dũng theo hầu, họ cũng thấy yên tâm đôi chút. Những miệng không răng và những miệng còn hơi sữa lại đồng thanh cất tiếng hô.

— Vạn tuế, Quan gia vạn tuế Xin chúc Quan gia bình an vô sự!

Họ còn đứng mãi trên bờ cho đến khi thuyền khuất hẳn, và vua cũng đứng trên thuyền nhìn mãi về phía kinh thành cho đến khi bóng người lẫn lộn với không - gian. Thuyền đi vun-vút như tên. Vua bảo Chiêu-thành vương:

— Trẫm bạc đức, nghĩ thực không xứng-đáng!

Vương tâu:

— Quan gia dậy quá khiêm. Hạ thần cảm khích lắm, đó không phải là triệu mất nước. Được lòng dân thì còn, mà mất lòng dân thì hỏng, lòng dân như thế, có đáng lo gì quân giặc?

Vua cùng Chiêu-thành vương trò chuyện, trong khi thuyền lướt đi trên sóng đục. Ban ngày dần dần đã qua, chiều đông u ám càng tăng vẻ thê lương của tân niên. Hai bên bờ sông, cảnh đồng chỉ còn trơ gốc dạ, thỉnh thoảng nhấp nhô một chợ chiều vắng ngắt, hay một quán bỏ không. Đường quanh co vào thôn xóm không một bóng người. Cỏ đã héo vàng, và cây trơ lá. Sương cũng xuống với khi chiều, bốc quanh làng mạc và đâu đây một trận gió thổi lạnh lùng như xông từ một kho lạnh lẽo. Cảnh tiêu điều càng tăng lòng buồn của người lữ thứ, nhất là một người mang nặng những ưu tư, Vua Thiệu-Bảo mơ màng nhìn các luỹ tre, chưa bao giờ vua thấy vắng tanh và đượm vẻ lạnh lùng, nhuộm màu tang như thế Lòng vua thấm thía, vua quay bảo Chiêu-thành vương:

— Hai mươi tư tết rồi. Tết năm nay buồn quá.

Trước mắt vua, hiện rõ một bức tranh tiêu điều. Mọi năm đến bây giờ gia đình quây quần rít rít, nay người ta đương thổn thức hay lo âu. Chỉ còn trơ những mái tóc điểm sương tựa cửa, những khăn yếm chạy quanh, những miệng thơ gọi bố. Người ta thiếu một kẻ thân yêu gần guốc, cột trụ của gia đình. Lại còn nhiều nhà mang khăn trở, vì tin dữ đã đưa về. Biết bao nhiêu quỷ không đầu đang bơ vơ bên mộ phần tiện tồ! Những người còn sống ngẩn ngơ trước bàn thờ lạnh giá, nhớ đến kẻ thân yêu không bao giờ về nữa! Mà đã biết đâu, rồi ra nếu quan quân thất lợi mãi, giặc dữ tràn vào, còn bao nhiêu cảnh điêu tàn. Những thảm họa thực không sao tả hết được. Vua bỗng sục động trong lòng, và cảm thấy một niềm thương vô biên, bao trùm cả chúng sinh cây cỏ. Càng nghĩ càng lo, lòng vua càng hoang mang, rối như canh hẹ. Bất giác không trấn nổi được tiếng thở dài.

Chiêu-thành vương nói:

— Quan-gia quá ưu phiền. Xin Quan-gia hãy vững tâm, đợi gặp Quốc-công xem sao, đã có điều chi lo ngại đâu?

Khi chiều càng lạnh, Dần dần vua thấy đói. Vì lo việc nước, từ

sáng hôm nay, vua chưa dùng một miếng cơm. Liếc nhìn Chiêu-thành vương, vua ái ngại: Chắc cũng như vua, suốt ngày Vương nhịn đói. Mình chịu đựng được, nhưng Vương thì tính sao? Vua hối mình quá hoang mang, quên khuấy cả một việc tối cần. Vương vẫn cung kính ngồi bên, không tỏ một chút gì nóng nảy khó chịu.

Chợt tên tiểu tốt Trần Lai nhìn vua, có ý khác. Vương không để một việc gì lọt mắt, vì Vương là người tinh tế, lại mang một trách nhiệm thiêng liêng. Vương đã nắm đốc gươm, giữ thế. Lai đã buông mái trèo, xô lại gần vua. Vương định nâng đầu lên tiểu tốt, nhưng xem ra thì không có điều chi quan ngại; tuy vậy thanh kiếm đã tuốt khỏi vỏ. Lai ngập ngừng, muốn nói rồi lại thôi. Y còn trẻ. Bộ áo linh nghiêm ngát và hơi

Giới thiệu

I Những sự gặp gỡ của Đông Phương và Tây phương trong ngôn ngữ và văn chương của Vũ-bội-Liên — Tân Việt xuất bản giá 6$00.

Sách có tám chương, mục đích cốt yếu của tác giả là sắp lại cái câu hài hủ của nhà văn Anh Rudyard Kipling về sự không gặp gỡ của Đông và Tây.

Xem kỹ cuốn sách, độc giả mới rõ sự thông hiểu dồi dào của tác giả về hai nền văn hóa Đông và Tây. Tác giả so sánh các sự gặp gỡ của Đông và Tây trong văn thơ kim và cổ rồi kết luận: « Đông và Tây thật ra đã nhiều lần gặp nhau ».

Đó là một cuốn sách viết rất công phu, với nhiều tài liệu rất đáng được các bạn đọc chú ý.

II Bản đàn Buồn tàn thu của nhạc sĩ Văn Cao — giá 0$60 —

III Hai bà Trưng khởi nghĩa của Nguyễn tế Mỹ biên khảo — Tạp chí Văn Mới số 40-41 của Hàn Thuyên — giá 5$00.

Xin giới thiệu cuốn sách trên với bạn đọc mới cùng các bạn đọc Tri Tân.

MẠNH-HAN

Vua hỏi:

— Con muốn tâu gì nữa, Lai?

Tiếng run run không rõ:

— Tâu Quan-gia, tiểu nhân không dám tâu, tiểu nhân có việc này...

Được, cho nói.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

MUỐN CON HIỀN, CHÁU THẢO
TRONG NHÀ PHẢI CÓ SÁCH

TÂN HIẾU-KINH
(có nguyên-văn chữ Hán)
Giá: 1$20

BÀ CÓ BÁN

Dũ-Thuyết yếu-thuật	3$80
Lịch-sử Báo-Chí	2$00
Nghệ thuật và danh giáo	2$50
Phụ-nữ Việt-Nam	2$60
Khổng-Tử học thuyết I	4$50
Việt-Hoa thông-sử sử lược	5$00

QUỐC-HỌC
THƯ-XÃ HÀNOI XUẤT-BẢN.

Thư-xã Alexandre de Rhodes
Mới xuất bản hai quốn

TRUYỆN RỪNG XANH
Phạm xuân-Đỗ phỏng thuật
Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R Kipling gồm có những truyện kỳ lạ và lý thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang khổ 17x23

LỤC SỨC TRANH CÔNG
bản dịch Phan Văn Hùm Hoàng Hữu Xứng và A de R
Bình phẩm cuốn này, Cô Cadière đã nói: « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ-ngâm, thì Lục sức tranh công còn tự nhiên, phổ thông và có vẻ « văn nam » nhiều hơn lắm. » dày 150 trang khổ 17x23 Mỹ thuật và nhã bản trang bày.

mỗi cuốn bản thường 4$00 cước 0$50
bản giấy Đại la 12$00 cước 1$00
Tổng phát hành
MAI-LĨNH
21, Rue des Pipes — Hanoi

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC
SỬ LƯỢC
của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ-ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á Đông này.

Thật là một bộ sách rất quí của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :

Loại thường bán 6$00 cước 0$47

Loại đặc-biệt 15$00 cước 0$50

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

25 Août có bán

Hai bà Trưng
khởi nghĩa
Tác giả : NGUYỄN-TẾ-MỸ

— Những lực lượng nào đã giúp hai bà Trưng chiến thắng ? Và những nhân nào đã làm ra sự thất bại của hai bà ?

— Tính cách cuộc khởi nghĩa đó là tính cách gì ? ảnh hưởng của nó trong xã hội Việt Nam dưới quyền đô độ triều Hán ra sao ?

HÀN THUYÊN PHÁT HÀNH

71 Tien tsin Hanoi

do QUẢNG VẠN THÀNH phát hành

đã có bán

LÒNG VÀNG

de Amicis soạn Hải Hạc dịch một quyển giáo khoa, dào luyện trí khí trẻ em.

« Tôi thấy rằng quyển sách quí này có một cái « sức cảm hóa to lắm...

Trích lời của ông Hoàng Đạo Thúy

(Thanh-nghị số 76 ngày 29 7-1944

Giá 4$00 cước 0 80

đang in

ĐỜI ĐOÀN THỂ

Hải Tùng soạn

một thiên « Thời bệnh luận » rất đáng nên đọc. « chủ đích là muốn đề xướng một vấn-đề mà người Việt-Nam ta cần giải quyết ngay để sinh tồn trong buổi cạnh tranh này...»

Giá 2$00 cước 0.80 trích lời nói đầu của Tác-giả.

đã có *Hàng hóa :*

ÁO ĐI MƯA ÍCHLAN

Bằng lụa, sơn tà mười mấy năm kinh-nghiệm, nhiều chứng thực ngợi khen.

Rất nhẹ, rất bền, rất đẹp,

mới chế

VẢI GAI SƠN

mầu giả da (simili-cuir)

dùng để may áo mặc rét làm mui xe áo tơi cánh gà xe, và bọc đệm ghế rất đẹp bền.

KHẢM TRUYỀN THẦN

Giống như hệt, đẹp tuyệt trần thật là một công nghệ đặc biệt của ta không nước nào sánh kịp.

Vị nào muốn biết nội-dụng sách, hay hỏi giá hàng, xin cho biết địa-chỉ và 0 10 tem vẽ :

QUẢNG VẠN THÀNH « Nội-Hoá » — mở năm bính dần 1926

Phố Lê Lợi số 16 Hanoi

Phố Doumer — 51 Hải phòng

Phố Yên lưu Kinh môn Haiduong

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hano